Signature Not Verified
Được ký bởi LÊ TRỌNG CƯỜNG
Ngày ký: 25.04.2018 10:22

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/NQ- ĐHĐCĐ	*Quảng Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 VÀ LẦN THỨ III NHIỆM KỲ 2018-2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ Biên bản số ……/BB-ĐHĐCĐ, ngày 24/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III nhiệm kỳ 2018 - 2023 Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và nhiệm kỳ 2013 - 2017, Nhiệm vụ và giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018 và nhiệm kỳ 2018 - 2023 (Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị ở Công ty cổ phần than Mông Dương năm 2017 và nhiệm kỳ 2013 - 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018 và nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Điều 3. Thông qua quy chế bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 và báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội; (Phụ lục 03 kèm theo).

Điều 5. Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận 2017 và đề xuất mức lợi tức 2018, cụ thể:

3.1. Năm 2017, Lợi nhuận của Công ty được phân phối như sau:

1. Tổng lợi nhuận trước thuế:	19.305.676.662	đồng
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	7.998.240.335	đồng
3. Lợi nhuận sau thuế:	11.307.436.327	đồng

a. Chia cổ tức năm 2017 (4% vốn điều lệ): 8.567.338.400 đồng

b. Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ: 2.740.097.927 đồng

Trong đó:

- Quỹ đầu tư phát triển: 0 đồng
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 2.556.318.701 đồng
- Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty: 183.779.226 đồng

(1,0 tháng lương BQ thực hiện của VCQL)

3.2. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017 là 4% vốn Điều lệ. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2018. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

3.3. Kế hoạch trả cổ tức năm 2018: Mức trả cổ tức dự kiến từ 4% -:- 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2018 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2018.

Điều 6. Thông qua việc chi, trả tiền lương đối với người quản lý và thù lao không chuyên trách năm 2017 và Kế hoạch 2018; cụ thể:

4.1. Thực hiện năm 2017:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Tr.đồng)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6		285,6	
2	Ban Kiểm soát	3	379,9	279,1	100,8	
3	Ban Giám đốc	7	1.965,8	1.965,8		
	Tổng số		2.631,3	2.244,9	386,4	

4.2. Kế hoạch năm 2018:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	05	285,6		285,6	
-	*Chủ tịch HĐQT*	*01*	*64,8*		*64,8*	
-	*Ủy viên HĐQT*	*04*	*220,8*		*220,8*	
2	Ban Kiểm soát	03	156,0		156,0	
-	*Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV.*	*01*	*55,2*		*55,2*	

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
-	*UV Ban kiểm soát*	*02*	*100,8*		*100,8*	
3	Ban Giám đốc	07	1.976,8	1.976,8		
4	Thư ký Công ty	1	50,4		50,4	
	Tổng số		**2.468,8**	**1.976,8**	**492,0**	

*** Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;

- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 7. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát giám sát công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành năm 2017 và cả nhiệm kỳ 2013 - 2017.

Điều 8. Thông qua Báo cáo của ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam Chi nhánh Hà Nội.

Điều 9. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo năm tài chính 2018 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin với các các thông tin sau:

Tên Công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Trụ sở chính: Số 1- Nguyễn Huy Tưởng- Phường Thanh Xuân Trung- Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội

ĐT: +84 24 664 4488 FAX: +84 24 664 2233

Điều 10. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty; đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 11. Thông qua kết quả bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023, cụ thể:

1. Hội đồng quản trị

- Ông: Phạm Công Hương - Chủ tịch
- Ông: Nguyễn Quế Thanh - Ủy viên
- Ông: Hoàng Trọng Hiệp - Ủy viên
- Ông: Vũ Tiến Quang - Ủy viên

- Ông: Vadym D'omin - Ủy viên

2. Ban kiểm soát

- Bà: Nguyễn Thị Tâm - Trưởng ban
- Ông: Nguyễn Thế Hanh - Thành viên
- Bà: Dương Hải Yến - Thành viên

Điều 12. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin năm 2018 và lần thứ III, nhiệm kỳ 2018 - 2023 thông qua một cách hợp pháp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2018.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện một cách cẩn trọng và có trách nhiệm những nội dung đã được thông qua trong Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích các cổ đông, của Công ty và phù hợp với các quy định của Pháp luật./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN
M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P
TP. CẨM PHẢ T. QUẢNG NINH

Phạm Công Hương
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:
- UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội, TTLK Việt Nam, TKV (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các cổ đông của Công ty;
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy); Bộ phận CNTT đăng trên trang Web;
- Lưu: VT; HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN **THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 27 /BB- ĐHĐCĐ	*Quảng Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2018*

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 VÀ LẦN THỨ III, NHIỆM KỲ 2018-2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin;

- Địa chỉ trụ sở: Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng ninh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2008;

- Hôm nay, vào hồi 7h30' ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. Công ty đã tiến hành tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III, nhiệm kỳ 2018 - 2023.

- Thành phần tham dự Đại hội gồm:

+ Các thành viên Hội đồng Quản trị, ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cổ đông của Công ty.

+ Đại diện Công ty Kiểm toán, Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017: Công ty TNHH PKF Việt Nam.

+ Tham dự đại hội có: 54 cổ đông là sở hữu và đại diện cho 16.075.066 cổ phần, chiếm 75 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

ĐẠI HỘI ĐÃ DIỄN RA THEO TRÌNH TỰ VÀ BAO GỒM NHỮNG NỘI DUNG SAU ĐÂY

I. Trình tự tiến hành họp Đại hội

1. Chủ toạ Đại hội: Ông Phạm Công Hương- Chủ tịch HĐQT Công ty.

2. Đề cử Thư ký Đại hội: Ông Phạm Công Hương, Chủ tọa Đại hội đề cử (1) ông Lê Thế Anh - Bí thư ĐTN Công ty; (2) bà Phùng Thị Dung – Cán bộ Văn phòng làm Thư ký ghi Biên bản, Nghị quyết Đại hội và đã được Đại hội nhất trí thông qua.

3. Đề xuất tổ giúp việc và kiểm phiếu cho Đại hội: Ông Phạm Công Hương, Chủ tọa Đại hội đề xuất ông Hoàng Kim Cương và nhóm giúp việc

Đại hội vào Ban kiểm phiếu. Ông Hoàng Kim Cương là trưởng ban kiểm phiếu và tổ giúp việc; đã được Đại hội nhất trí thông qua

4. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông: Thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội ông Hoàng Kim Cương- Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự:

(1) Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện 100% vốn điều lệ của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin là: 21.418.346 cổ phần; do 2.074 cổ đông sở hữu và đại diện. Trong đó: 20 cổ đông là tổ chức (trong nước là: 18 cổ đông; tổ chức nước ngoài là: 02 cổ đông) và 2.054 cổ đông là cá nhân.

(2) Tổng số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu được mời tham dự Đại hội là 2.074/2.074 cổ đông. Đăng ký tham dự đại hội 57 người sở hữu và đại diện theo ủy quyền 16.914.057 cổ phần tương ứng 79 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin.

(3) Số cổ đông sở hữu và Người được uỷ quyền có mặt tham dự Đại hội là 50 cổ đông, sở hữu, đại diện và ủy quyền 16.075.066 cổ phần chiếm 75 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.

(4) Chủ toạ kết luận: Căn cứ Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 68/2014, Điều 13 Điều lệ Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin; Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III, nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Công ty đủ điều kiện để tiến hành họp Đại hội.

II. Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội:

Ban tổ chức Đại hội trình bày Chương trình và dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội:

1. Đại hội đã nhất trí 100% thông qua Chương trình làm việc.

2. Đại Hội đã nhất trí 100% thông qua dự thảo quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp 68/2014, và Giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các nội dung của quy chế, với một số nội dung cơ bản như sau:

+ Đại hội được tiến hành khi có số Người dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

+ Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của Người dự họp có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội. Riêng quyết định liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu của Người dự họp có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội.

III. Thực hiện các nội dung chương trình nghị sự của Đại hội:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018; Nhiệm vụ và giải pháp điều hành năm 2018 và nhiệm kỳ 2018-2023 do ông Nguyễn Quế Thanh, Uỷ viên Hội đồng quản trị- Giám đốc Công ty trình bày: (Theo nội dung báo cáo số 762/BC-TMD ngày 20/4/2018 đính kèm)

Trong đó có một số chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Danh mục	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
A	**Sản xuất**			
I	***Than sản xuất***	Tấn	**1.450.000**	
1	Than hầm lò	Tấn	1.300.000	
2	Than Lộ thiên	Tấn	150.000	
	- Nội bộ làm	"	50.000	
	- Than giao thầu	"	100.000	
II	***Bóc đất đá***	M^3	**2.011.000**	
1	Tự làm	M^3	664.000	
2	Thuê thầu khai thác	M^3	1.347.000	
III	***Mét lò đào tổng số***	*M*	**17.800**	
1	Đào lò CBSX	M	17.800	
	- Nội bộ làm	"	15.800	
	- Mét lò đào thuê ngoài	"	2.000	
IV	***Lò xén***	M	**500**	
1	Mét lò xén CBSX	M	500	
B	**Than tiêu thụ tổng số**	*Tấn*	**1.426.000**	
C	**Giá trị đầu tư**	Tr.đ	**202.701**	
	Xây lắp	Tr.đ	50.704	
	Thiết bị	Tr.đ	136.979	
	Khác	Tr.đ	15.018	
D	**Doanh thu tổng số**	Tr.đ	**1.673.131**	
E	**Lợi nhuận**	Tr.đ	22.954	
F	**Thu nhập bình quân**	Tr.đ/ng/th	**11.888**	
G	**Cổ tức (dự kiến tối đa)**	%	**8%**	

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị ở Công ty cổ phần than Mông Dương năm 2017 và nhiệm kỳ 2013 - 2018, phương

hướng nhiệm vụ năm 2018 và nhiệm kỳ 2018 - 2023 do ông Nguyễn Quế Thanh - Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty trình bày (theo nội dung Báo cáo số 763/BC-TMD, ngày 20/4/2018 đính kèm).

3. Quy chế bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 do ông Hoàng Kim Cương- Trưởng ban kiểm phiếu trình bày.

4. Báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 do ông Phạm Công Hương - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty trình bày.

5. Đại hội bầu Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm 05 người, bầu Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm 03 người.

6. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam do bà Phạm Thị Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty trình bày (Theo nội dung Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2017 đính kèm).

7. Báo cáo Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ trức năm 2017 và Kế hoạch lợi tức năm 2018 do Bà Phạm Thị Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty trình bày, cụ thể:

7.1. Phân phối lợi nhuận năm 2017 và chi trả cổ tức năm 2017:

1. Tổng lợi nhuận trước thuế:	19.305.676.662	đồng
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	7.998.240.335	đồng
3. Lợi nhuận sau thuế:	11.307.436.327	đồng
a. Chia cổ tức năm 2017 (4% vốn điều lệ):	8.567.338.400	đồng
b. Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ:	2.740.097.927	đồng
Trong đó:		
- Quỹ đầu tư phát triển:	0	đồng
- Quỹ khen thưởng phúc lợi:	2.556.318.701	đồng
- Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty:	183.779.226	đồng
(1,0 tháng lương BQ thực hiện của VCQL)		

7.2. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017 là 4% vốn Điều lệ. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2018. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

7.3. Kế hoạch trả cổ tức năm 2018: Mức trả cổ tức dự kiến từ 4% -:- 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2018 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2018.

8. Báo cáo kết quả chi trả tiền lương của người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2017 và Kế hoạch năm

2018 do bà Phạm Thị Hải - UV HĐQT Công ty trình bày (Theo nội dung báo cáo số 770/TTr-TMD ngày 23/4/2018 đính kèm), cụ thể:

8.1. Năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương đối với người quản lý (Bao gồm ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát) 2.244,9 triệu đồng; Thù lao Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là: 386,4 triệu đồng.

8.2. Đề xuất năm 2018, Tiền lương đối với người quản lý và mức Thù lao không chuyên trách hàng tháng được áp dụng theo Hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và thực hiện các văn bản hướng dẫn của TKV: Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Quyết định số 6059/TKV-KH ngày 20/12/2017; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý, mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty.

9. Báo cáo của Ban Kiểm soát giám sát công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành năm 2017 và cả nhiệm kỳ 2013 - 2018 do ông Nguyễn Thế Hanh - Thành viên Ban kiểm soát Công ty trình bày, (nội dung chi tiết theo Báo cáo số 771 ngày 23/4/2018 đính kèm).

10. Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được Kiểm toán do ông Nguyễn Thế Hanh - Thành viên Ban kiểm soát Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo Báo cáo số 772/BC-BKS ngày 23/4/2018 đính kèm).

11. Báo cáo của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 do ông Nguyễn Thế Hanh - Thành viên Ban kiểm soát Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo Báo cáo số: 771/BC-KSV, ngày 23/4/2018 đính kèm).

12. Báo cáo về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty do ông Nguyễn Quế Thanh - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo tờ trình số:773/TTr-TMD ngày 20/4/2018 đính kèm).

13. Báo cáo về việc đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017 - 2020 do ông Nguyễn Quế Thanh - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo tờ trình số: 758/TTr-TMD ngày 20/4/2018 đính kèm).

IV. Đại hội giải lao, thảo luận, phát biểu và trả lời ý kiến

Sau phần trình bày các nội dung của Đại hội và ý kiến chỉ đạo của Chủ tọa các cổ đông tiến hành thảo luận, chất vấn các nội dung của Chương trình Đại hội:

Các ý kiến thảo luận đều nhất trí với các báo cáo đã được Giám đốc, Ban Kiểm soát và các ủy viên Hội đồng quản trị trình bày và có ý kiến nhận xét chung: Năm 2017 và cả nhiệm kỳ 2013 - 2017, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành đã năng động, quản lý Công ty đúng điều lệ, đúng pháp luật; Tài chính của Công ty lành mạnh; lợi ích của Người lao động, Cổ đông và lợi ích xã hội được đảm bảo. Công ty phát triển theo hướng bền vững.

V. Kết quả bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023

1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Số phiếu tín nhiệm	Tỷ lệ so với tổng số CP tham dự ĐH	Kết quả
1	Phạm Công Hương	19.591.407	18,3	Trúng cử
2	Nguyễn Quế Thanh	20.308.785	19,0	Trúng cử
3	Hoàng Trọng Hiệp	19.876.445	18,6	Trúng cử
4	Vũ Tiến Quang	2.316.387	2,2	Trúng cử
5	Vadym D'omin	18.635.641	17,4	Trúng cử

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Số phiếu tín nhiệm	Tỷ lệ so với tổng số CP tham dự ĐH	Kết quả
1	Nguyễn Thị Tâm	19.315.499	30,06	Trúng cử
2	Nguyễn Thế Hanh	19.282.983	30,01	Trúng cử
3	Dương Hải Yến	2.507.308	3,9	Trúng cử

3. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 – 2023 họp phiên thứ nhất bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát. Kết quả:

Ông Phạm Công Hương trúng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Bà Nguyễn Thị Tâm trúng cử chức danh Trưởng ban kiểm soát Công ty.

VI. Các Quyết nghị tại Đại hội: Sau khi thảo luận, các Cổ đông tham dự họp đã nhất trí quyết nghị từng nội dung sau:

1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2017; Nhiệm vụ và giải pháp điều hành năm 2018 và nhiệm kỳ 2018-2023, cụ thể:

1.1) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu, Than sản xuất: 1.254.500/1.375.000 tấn, đạt 91% kế hoạch, Lợi nhuận trước thuế 19.305 triệu đồng/kế hoạch 20.500 triệu đồng, đạt 94,2%; đảm bảo đủ công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên có thu nhập ổn

định, bình quân đạt 10.000.000 đồng/người tháng; cổ tức cho các cổ đông là 4%; thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

1.2) Nhiệm vụ, giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu chủ yếu sau: Than sản xuất: 1.450.000 tấn; Mét lò đào tổng số: 17.800 mét; Bốc xúc đất đá: 2.011.000 m^3; Doanh thu: 1.673 tỷ đồng; Lợi nhuận: 22,954 tỷ đồng; thu nhập bình quân của người lao động: 11,888 triệu đồng/ người/ tháng.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị trong quá trình triển khai có thể điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho phù hợp đảm bảo thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2018; Đảm bảo thu nhập của người lao động và quyền lợi của cổ đông.

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị ở Công ty cổ phần than Mông Dương năm 2017 và nhiệm kỳ 2013 - 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018 và nhiệm kỳ 2018 - 2023:

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

3. Thông qua quy chế bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

4. Thông qua báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

- Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; Giao Hội đồng quản trị triển khai thực hiện.

6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, chi trả cổ tức năm 2017 của Công ty và Kế hoạch trả cổ tức năm 2018.

Kế quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; cụ thể:

6.1. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017 là 4% vốn Điều lệ. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2018. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

6.2. Kế hoạch trả cổ tức năm 2018: Mức trả cổ tức dự kiến từ 4% -:- 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2018 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2018.

7. Thông qua việc chi trả tiền lương đối với người quản lý và thù lao không chuyên trách năm 2017, kế hoạch năm 2018:

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

- Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua, cụ thể:

7.1. Năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương đối với người quản lý (Bao gồm ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát) 2.244,9 triệu đồng; Thù lao Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là: 386,4 triệu đồng.

7.2. Kế hoạch năm 2018, Tiền lương đối với người quản lý và mức Thù lao không chuyên trách hàng tháng được áp dụng theo Hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và thực hiện các văn bản hướng dẫn của TKV: Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Quyết định số 6059/TKV-KH ngày 20/12/2017; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý, mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty.

8. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát giám sát công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành năm 2017 và cả nhiệm kỳ 2013 - 2017:

Kết quả biểu quyết : Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

9. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH PKF Vệt Nam thực hiện kiểm toán: Báo cáo tài năm 2017 của Công ty đã thể hiện đầy đủ tính minh bạch, rõ ràng và độ tin cậy cao.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

10. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin với các nội dung như sau:

Tên Công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Trụ sở chính: Số 1- Nguyễn Huy Tưởng- Phường Thanh Xuân Trung- Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội

ĐT: +84 24 664 4488 FAX: +84 24 664 2233

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

11. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kết quả biểu : Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

12. Thông qua tờ trình về đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017 - 2020

Kết quả biểu : Số phiếu tán thành 16.075.066 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

14. Thông qua Biên Bản và các quyết nghị tại phiên họp: Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Biên bản và các Quyết nghị của Đại hội:

Biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết với tỷ lệ:

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Đại hội giao cho Chủ tọa - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký, ban hành Biên bản và Nghị quyết của Đại hội để triển khai thực hiện.

14. Chủ tọa bế mại Đại hội:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin kết thúc vào hồi .....h.....' cùng ngày ./.

Nơi nhận:
- UBCK NN, Sở GDCK HN, TTLK Việt Nam, TKV (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các CĐ của Cty;
- Mạng Protal: Các đơnvị trong C.ty;
- Bộ phận CNTT đăng trên trang Web;
- Lưu: VT; HĐQT.

THƯ KÝ

Lê Thế Anh

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Phạm Công Hương
CHỦ TỊCH HĐQT

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG – VINACOMIN** Số: 756 /QC-MDC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Ninh, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 VÀ NHIỆM KỲ III NĂM 2018-2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG – VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 27/4/2016; Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 11/04/2018, Hội đồng Quản trị Công ty Dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III nhiệm kỳ 2018-2023 bao gồm các nội dung sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và lần thứ III nhiệm kỳ 2018-2023 Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 03/4/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy CMND hoặc thẻ căn cước…, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Trang phục lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước ...., Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

4.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và các thành viên HĐQT Công ty.

4.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

4.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

4.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

4.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III
THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tiến hành Đại hội

5.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời

điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

5.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

6.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết.

6.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 7. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến. Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 8. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

8.1. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

8.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

8.3.Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội

Trừ các nội dung ghi tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

Điều 10. Biên bản Đại hội

10.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

10.2. Biên bản Đại hội được Đại hội thông qua trước khi bế mạc và được công bố thông tin, gửi đến các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

10.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 12. Hiệu lực thi hành của Quy chế

12.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười hai (12) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

12.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 762 /BC- TMD

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
THỰC HIỆN SXKD NĂM 2017, NHIỆM KỲ 2013-2018 VÀ KH SXKD NĂM 2018, NHIỆM KỲ 2018-2023

I. Tình hình thực hiện kết quả SXKD năm 2017.

1. Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2017.

TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2017 *(CV6026TKV)*	KH Điều chỉnh *(CV6035)*	Thực hiện năm 2017	% TH/KH Điều chỉnh
A	**Sản xuất**					
I	***Than sản xuất***	Tấn	**1.550.000**	**1.375.000**	**1.254.500**	**91**
1	Than Hầm lò	Tấn	1.400.000	1.200.000	1.120.000	93
2	Than Lộ thiên	Tấn	**150.000**	**175.000**	**134.500**	**77**
	- Nội bộ làm	"	50.000	135.000	134.000	99
	- Than giao thầu	"	100.000	40.000	500	1
II	***Bóc đất đá***	M^3	**2.102.000**	**1.489.000**	**941.500**	**63**
1	Tự làm	M^3	663.000	913.400	777.500	85
2	Thuê thầu khai thác	M^3	1.439.000	575.600	164.000	28
III	***Mét lò đào tổng số***	*M*	**18.700**	**16.000**	**15.700**	**98**
1	Đào lò CBSX	M	18.700	16.000	15.700	98
	- Nội bộ làm	"	16.700	15.900	15.700	99
	- Mét lò đào thuê ngoài	"	2.000	100	0	0
IV	***Lò xén + xén khôi phục***	M	**2.000**	**2.000**	**2.600**	**130**
1	Mét lò xén CBSX	M	2.000	2.000	2.600	130
B	**Than tiêu thụ tổng số**	*Tấn*	**1.519.000**	**1.354.000**	**1.235.000**	**91**
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.300.000	1.200.000	1.112.000	93
2	Than sạch giao KV	Tấn	219.000	154.000	123.000	80
C	**Giá trị đầu tư**	Tr.đ	**248.712**	**110.660**	**87.800**	**79**
	Xây lắp	Tr.đ	103.918	5.683	3.000	53
	Thiết bị	Tr.đ	126.448	96.397	79.000	82
	Khác	Tr.đ	18.345	8.580	5.800	68
D	**Doanh thu tổng số**	Tr.đ	**1.707.092**	**1.538.350**	**1.445.500**	**94**

TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2017 *(CV6026TKV)*	KH Điều chỉnh *(CV6035)*	Thực hiện năm 2017	% TH/KH Điều chỉnh
E	**Lợi nhuận**	Tr.đ	23.636	20.500	15.000	73
F	**Thu nhập bình quân**	Tr.đ/ng/th	**11,145**	**10.801**	**10.000**	93
G	**Tồn kho**	Tấn	**23.120**		**19.500**	

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2017.

Than sản xuất:	1.254.500 tấn/1.375.000 tấn	= 91%KH
- Tr đó: Than hầm lò:	1.120.000 tấn/1.200.000 tấn	= 93%KH
Than lộ thiên:	134.500 tấn/175.000 tấn	= 77%KH
Đất đá bốc xúc:	941.500 m^3/1.489.000m^3	= 63%KH
Mét lò đào tổng số:	15.700 m/16.000 m	= 98%KH
- Tr đó lò CBSX tự làm:	15.700 m/16.000 m	= 98%KH
Than tiêu thụ tổng số:	1.235.000 tấn/1.354.000 tấn	= 91%KH
Doanh thu than:	1.445.500 tr.đ/1.535.350 tr.đ	= 94%KH

Năm 2017 Công ty các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh đạt thấp so với KH; chủ yếu các nguyên nhân chính:

1. Tình hình chung.

- Tình hình địa chất mỏ phức tạp, cả khu vực lộ thiên và hầm lò, điều kiện địa chất phức tạp biến động liên tục không đúng theo dự kiến, qui mô và diện khai thác nhỏ hẹp dẫn đến việc huy động diện gặp nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến sản lượng, năng suất lao động.

- Thiết bị công nghệ, vận tải, cơ sở hạ tầng tuy đã được cải tạo, thay thế nhưng vẫn còn nhiều thiết bị cũ, không đồng bộ, đặc biệt là hệ thống thiết bị giếng đứng chính khu Trung tâm, thường xuyên phải sửa chữa, thay thế làm ảnh hưởng đến năng xuất lao động.

2. Khu vực khai thác hầm lò.

- Về sản lượng khai thác không đạt là do điều kiện địa chất phức tạp: mất vỉa, phay phá đứt gãy uốn nếp nhiều theo cả đường phương và hướng dốc dẫn đến các gương lò chợ phải dừng khấu để đào lò tránh; các gương lò đào phải dừng đào để khoan thăm dò vỉa do làm cho công tác khấu chống lò chợ gặp nhiều khó khăn phải dừng khấu chuyển diện, số lần chuyển diện thực tế 25 lần và chuyển đổi công nghệ khấu từ ZH sang XDY, áp lực mỏ lớn, khí và nước nhiều do đó sản lượng khai thác không đạt theo kế hoạch.

- Về công tác đào chống lò trong năm 2017, Công ty tập trung thi công các gương lò đào khai thông mở diện cho các vỉa đặc biệt cụm vỉa khu vực ĐBMD vỉa 6; vỉa G9 CĐ; H10 CĐ; vỉa K8, L7 Vũ Môn; vỉa G9, K8, L7 Cánh Tây...nhưng điều kiện địa chất có nhiều biến động gương lò gặp phay, vùng không vỉa, vùng chứa nước

dẫn đến gương lò phải dừng chuyển diện khác để chờ khoan thăm do chuẩn lại tài liệu đó mét lò không đặt theo kế hoạch nhưng tuy nhiên hệ số mét lò năm 2017 Công ty vẫn đảm bảo được theo kế hoạch vì sản lượng khai thác giảm.

- Về độ tro (Ak) trong năm 2017cũng tăng do tập trung khấu ở khu vực vỉa mỏng có lẫn đá kẹp như: K8.VM; K8.CT; H10.CĐ; G9.CĐ; 8BMD dẫn đến độ tro tăng cao.

- Tỷ lệ thu hồi than sạch sàng tại Công ty thấp hơn KH, nhưng tỷ lệ thu hồi than sạch trong than nguyên khai giao cho Công ty tuyển than Cửa Ông tốt hơn kế hoạch. Tổng than sạch trong than nguyên khai khai thác của công ty và độ tro than nguyên khai đảm bảo theo KH TKV giao; giá trị tấn than tiêu thụ bình quân cao.

3. Đối với khu vực khai thác Lộ thiên.

- Khu vỉa II11.CĐ là khu vực khấu vét kế thúc khai thác lên hệ số bóc bị giảm hơn so với kế hoạch là 20%.

- Khu vực giao thầu Cánh Tây: Hoàn thiện các thủ tục GPMB và thuê đất đã được UBND tỉnh Quảng Ninh Quyết định số 3835/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017 cho Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin thuê đất khai thác khu vực lộ vỉa Cánh Tây và đã bàn giao mặt bằng cho bên B để thi công.

2. Công tác khoán và quản trị chi phí:

- Chế độ chính sách nhà nước thay đổi: Giá tính thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường tăng, giá nhiên liệu tăng hơn so với kế hoạch.

- Chính sách lương thay đổi: Quỹ tiền lương năm 2017 được xây dựng trên cơ sở khối lượng công việc theo kế hoạch công nghệ, Bộ định mức TKV số 2798/QĐ-TKV ngày 31/12/2015 và hệ số giãn cách tiền lương theo Quyết định số: 1666/QĐ-TKV ngày 30/7/2014. Trong quá trình thực hiện Tập đoàn đã ban hành quy định mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm QĐ số: 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 và được áp dụng kể từ ngày 01/01/2017, ngày 12/9/2017 tại Quyết định số 1699/QĐ-TKV ngày Tập đoàn đã sửa đổi bổ sung một số quy định tại quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017.

3. Công tác lao động-tiền lương:

3.1 Công tác tuyển lao động:

- Công tác tuyển lao động trong năm không đạt yêu cầu, số lao động tuyển dụng không bù đắp đủ số lao động hao hụt tự nhiên, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động dẫn đến thiếu lao động trong dây chuyền sản xuất chính làm ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty.

- Tiền lương, thu nhập không được như kỳ vọng: Theo Phương án tiền lương xây dựng hàng năm tỷ trọng quỹ lương của thợ lò tăng 5÷10%, tuy nhiên do ảnh hưởng của sự cố ngập mỏ năm 2015; năm 2016, năm 2017 diện SX khó khăn sản lượng thấp nên thực tế trong 3 năm gần đây tiền lương có tăng nhưng không đạt được mục tiêu đề ra, có đơn vị không hoàn thành kế hoạch thu nhập người lao động đạt rất thấp 300.000đ-400.00đ/công.

- Các khu công nghiệp nhiều, điều kiện tuyển dụng, tiếp nhận thông thoáng, từ đó thu hút người lao động có tâm lý chọn công việc mặc dù lương thấp nhưng đỡ vất vả hơn so với lao động hầm mỏ và được ở gần gia đình.

3.2. Công tác tiền lương.

- Theo kế hoạch phối hợp kinh doanh 6026/TKV-KH ngày 22/12/2016 thì lao động kế hoạch là 3.860 người. Tuy nhiên lao động có mặt thời điểm 31/12/2016 là 3.722 người và lao động đến thời điểm 30/9/2017 còn lại 3.508 người. Công tác tuyển dụng lao động khó khăn, không đáp ứng được nhu nhu cầu nhân lực cho sản xuất chính trong khí đó nhân lực dây truyền phục vụ nhiều.

- Từ các nguyên nhân trên nên Công ty không thực hiện hiện được các chỉ tiêu theo kế hoạch phối hợp kinh doanh dẫn đến năng suất và tiền lương thấp, dự kiến nguồn tiền lương thực hiện của Công ty chỉ đạt 446,9 tỷ/KH: 516,2 tỷ đạt 86,6% KH năm 2017. Tiền lương thực hiện bình quân toàn Công ty chỉ đạt: 10,363 tr.đ/KH: 11,145 tr.đ = 93%.

4. Công tác đầu tư xây dựng, Môi trường:

- Các dự án được TKV thông qua chậm dẫn đến việc thực hiện đầu tư chưa đáp ứng được sản xuất trong năm cụ thể:

+ Dự án đầu tư thiết bị DTSX 2017 tháng 7/2017 TKV thông qua nội dung nên các thiết bị đầu tư cuối tháng 12 mới có để để đưa vào sản xuất.

+ Dự án đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều thời tiết biến đổi cực đoan tháng công ty trình TKV từ tháng 5 đến tháng 9 TKV mới thông qua nên công tác thực hiện đầu tư cũng không kịp thời phục vụ cho thoát nước mùa mưa 2017.

+ Đối với diện tích (37,89 ha) chưa GPMB được tại khu vực Đông Bắc Mông Dương (hộ Trần Hoà): Do công tác GPMB chưa triển khai được vì kinh phí bồi thường quá lớn so với đánh giá tài nguyên còn lại, thời hạn giấy phép khai thác còn lại đến 28/12/2018.

5. Công tác hạch toán kế toán:

- Vấn đề về thoái vốn của Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả: Hiện nay Công ty đã làm thủ tục niên yết để chào bán cổ phiếu trên sàn Upcom nhưng chưa bán được.

- Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp một năm theo quyết định phê duyệt (QĐ số 2212/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008) là 103.976.156.000 đồng trong khi đó Số tiền phí cấp quyền hạch toán vào giá thành 1 năm chỉ có hơn 30 tỷ đồng dẫn đến chênh lệch quá lớn, Số dư tiền cấp quyền hạch toán chờ phân bổ dự kiến đến 31/12/2017 là: 295.430.332.894 đồng.

6. Công tác Vật tư:

- Công ty đã xây dựng quy định đánh dấu vật tư và triển khai thực hiện từ tháng 1 năm 2017, tuy nhiên việc đánh dấu vật tư đối với một số vật tư phụ tùng rất khó thực hiện (cụ thể một số loại vật tư như phụ kiện giá thủy lực, vòng bi...).

- Đối với việc mua gỗ trụ mỏ ứng vốn trước: Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến thời điểm hiện nay còn gặp rất nhiều khó khăn, tiến độ thực hiện trả gỗ của các Công ty rất chậm cụ thể năm 2017 Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bình liêu mới trả được 61%, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Vân Đồn mới trả được 16%.

II. Kết quả thực hiện SXKD tại nhiệm kỳ từ 2013-2018

1. Năm 2013:

1.1 Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu năm 2013:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	So sánh(%)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3=1/2)
A	**Chỉ tiêu hiện vật**				
1	Than sản xuất	tấn	1.502.028	1.550.000	96,9
	- Than Hầm lò	tấn	1.209.561	1.350.000	89,6
	- Than Lộ thiên	1000 tấn	292.467	200.000	146,2
2	Mét lò đào tổng số	m	18.515	19.700	94,6
2.1	Đào lò XDCB	m	887	900	98,6
2.2	Đào lò chuẩn bị sản xuất	m	17.628	18.800	93,8
	Hệ số đào lò CBSX	m/1000T	14,6	14,01	104,0
3	Bốc xúc đất đá	m^3	2.830.413	2.000.000	141,5
	Hệ số bóc đất đá	m^3/tấn	9,68	10,0	96,8
4	Than tiêu thụ tổng số	tấn	1.497.997	1.515.000	98,9
5	Doanh thu tổng số	tr.đồng	1.557.647	1.451.347	107,3
	Trong đó: DT bán than	tr.đồng	1.424.715	1.397.647	101,9
6	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	37.352	36.957	101,1
7	Thu nhập bình quân	1000/ng/thg	9.329	9.359	99,7
8	Cổ tức	%	12	12	100,0%

1.2 Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Cùng với sản xuất kinh doanh năm 2013, Công ty thực hiện khối lượng đầu tư tương đối lớn: Lò chứa nước và bể lắng bùn mức -250 khu Trung tâm và Đông Bắc Mông Dương, Hệ thống bơm thoát nước tại hầm bơm mức -250; Hệ thống thẻ tích hợp nhiều mặt quản lý; Toa xe goòng chở người; Hệ thống bộ đàm liên lạc không dây phục vụ toa xe chở người; Hệ thống camera theo dõi tuyến trục; Barie mềm tuyến trục trong hầm lò... và đã đưa vào hoạt động hỗ trợ cho công tác sản xuất, quản lý của Công ty.

Tổng giá trị đầu tư là: 156.895 tr. đồng/KH 162.356 tr.đồng đạt 96,2%.

Trong đó: + Xây lắp 62.758 triệu đồng/ 64.310 tr.đg; đạt 97,6 %.

+ Thiết bị: 78.283 triệu đồng/ 82.546 tr.đg; đạt 94,8%.

+ Chi phí khác: 15.944 tr.đg/ 15.500 tr.đg; đạt 102,9%

Tóm lại: Năm 2013, mặc dù nền kinh tế đất nước, Ngành than còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn, chính quyền địa phương, sự phối kết hợp của các đối tác; sự

cố gắng của tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty và bằng nhiều giải pháp quản lý điều hành, Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đề ra, doanh thu, chi phí sản xuất đạt so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 37,35 tỷ đồng, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho hơn 4.000 cán bộ công nhân viên có thu nhập bình quân đạt 9.329.000 đồng/người tháng, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

1. Năm 2014:

1.1 Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu năm 2014:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	So sánh(%)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3=1/2)
A	**Chỉ tiêu hiện vật**				
1	Than sản xuất	tấn	1.631.452	1.600.000	101.97
	- Than Hầm lò	tấn	1.262.169	1.400.000	90.15
	- Than Lộ thiên	1000 tấn	369.283	200.000	184.64
2	Mét lò đào tổng số	m	17.786	20.000	88.93
2.1	Đào lò XDCB	m	51	50	102
2.2	Đào lò chuẩn bị sản xuất	m	17.735	19.950	88.9
	Hệ số đào lò CBSX	m/1000T	14,05	14,1	99,7
3	Bốc xúc đất đá	m^3	3.582.042	2.200.000	162.82
	Hệ số bóc đất đá	m^3/tấn	9,7	11	88,2
4	Than tiêu thụ tổng số	tấn	1.575.230	1.556.000	101
5	Doanh thu tổng số	tr.đồng	1.725.910	1.573.383	109
	Trong đó: DT bán than	tr.đồng	1.627.335	1.571.633	103
6	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	51.277	38.909	106
7	Thu nhập bình quân	1000/ng/thg	10.137.000	9.506.000	106
8	Cổ tức	%	12	12	100,0%

Tóm lại: Năm 2014, mặc dù nền kinh tế đất nước, Ngành than còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn, chính quyền địa phương, sự phối kết hợp của các đối tác; sự cố gắng của tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty và bằng nhiều giải pháp quản lý điều hành, Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đề ra, doanh thu, chi phí sản xuất đạt so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 51,27 tỷ đồng, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho hơn 4.000 cán bộ công nhân viên có thu nhập bình quân đạt 10.137.000 đồng/người tháng, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

3. Năm 2015

3.1 Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2015.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015		So sánh (%)
			Thực hiện	KHĐC	KHĐC
1	Than Sản xuất		1.315.336	1.300.000	101,2
	Than hầm lò	"	1.073.544	1.000.000	107,4
	Than lộ thiên	"	241.686	300.000	80,6
2	Mét lò đào tổng số	*M*	14.294	12.500	114,4
	Mét lò CBSX	"	14.294	12.500	114,4
	Mét lò XDCB	"			
	Hệ số mét lò CBSX	*m/10³T*	*13,65*	*12,5*	*109,2*
3	Đất đá bốc xúc	*M³*	2.501.420	3.874.000	64,6
	Hệ số đất bóc	*/T*	*10,35*	*12,91*	*80,2*
4	Than tiêu thụ	*Tấn*	1.278.084	1.260.000	101,4
5	Doanh thu than	*Trđ*	1.452.314	1.282.947	109,4
6	Lợi nhuận trước thuế	*Trđ*	440	22.587	1,95
7	Thuế TNDN	*Trđ*	354,5	4.969	7,13
8	Lợi nhuận sau thuế	*Trđ*	85,5	17.618	0,49
9	Chi phí KPSC	*Tr.đ*	199.259		
10	Tiền lương BQ	*Đ/ng-tháng*	10.632.000	10.300.000	103,2
11	Cổ tức	%	0	0	

3. Công tác Đầu tư Xây dựng Cơ bản

Công ty tập trung vào công tác giải quyết, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục của Dự án giai đoạn II và theo kế hoạch ĐTXD năm 2015 điều chỉnh được Tập đoàn TKV thông qua tại văn bản số 5416/TKV-ĐT ngày 04/11/2015 Công ty thực hiện chuyển tiếp 03 dự án: Dự án đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II; Dự án xây dựng khu nhà ở công nhân; Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2014. thực hiện đầu tư mới 02 dự án: Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2015, Dự án đầu tư thiết bị khắc phục sự cố nước ngập mỏ năm 2015. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTXD 2015 như sau

Tổng giá trị đầu tư là: 137.533 tr.đồng/182.514 tr.đồng = 75,4%.

Trong đó: + Xây lắp: 16.381 tr.đồng/38.429 tr.đồng = 42,6%.

+ Thiết bị: 115.698 tr.đồng/138.503 tr.đồng = 83,5%.

+ QL, TV, khác: 5.454 tr.đồng/5.582 tr.đồng = 97,7%.

Tóm lại: Năm 2015, mặc dù một số chế độ nhà nước thay đổi, giá cả biến động, Công ty gặp nhiều khó khăn nhất là trong đợt sự cố mưa lũ lịch sử gây ngập mỏ ngày 27/7/2015, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước các cơ quan chính quyền Tỉnh, Thành phố, Địa phương và sự kết hợp của các đối tác; sự cố gắng của tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty và bằng nhiều giải pháp quản lý điều hành, Công ty đã hoàn thành công tác khắc phục sự cố sớm hơn so với kế

hoạch và hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật điều chỉnh năm 2015, doanh thu vượt kế hoạch, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho hơn cán bộ công nhân viên có thu nhập bình quân đạt 10.632.000 đồng/người tháng, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Do ảnh hưởng của sự cố ngập mỏ chỉ tiêu lợi nhuận không đạt so với kế hoạch nên không có nguồn chi trả cổ tức năm 2015.

4. Năm 2016:

4.1 Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2016.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện	KH ĐC (QĐ2936)	% TH/KH Đ.chỉnh
1	**Than Sản xuất**	Tấn	**1.346.000**	**1.345.000**	**100,08**
	- Than hầm lò	"	1.195.497	1.200.000	99,62
	- Than lộ thiên	"	149.179	145.000	102,88
2	**Mét lò đào tổng số**	M	**14.935**	**15.200**	**98,25**
	- CBSX	"	14.935	15.200	98,25
	- XDCB	"	-	-	-
3	**Lò xén**	M	**3.400**	**2.690**	**126,42**
	- Mét lò xén CBSX		3.400	2.690	126,42
4	**Đất đá bốc xúc**	M^3	**1.443.000**	**1.456.000**	**99,11**
	- Tự làm	"	901.600	836.000	107,8
	- Thuê ngoài	"	541.400	620.000	87,3
	- Thuê thầu KT.	"	-	2.100.000	
5	**Than tiêu thụ**	Tấn	**1.319.100**	**1.323.000**	**99,7**
	- Than nguyên khai	"	1.216.000	1.220.000	99,6
	- Than sạch	Tấn	103.100	103.000	100
6	**Doanh thu tổng số**	Trđ	**1.557.824**	**1.539.560**	**101,1**
	- DT than	Trđ	1.548.335	1.532.898	101
	- DT khác	Trđ	9.489	6.662	142
7	**Lợi nhuận**	Trđ	**29.973**	**19.747**	**151,7**
8	**Tồn kho**	Tấn	**27.900**		
9	**Tiền lương BQ**	Đ/ng-tháng	10.622.000	10.569.000	100,5
10	**Cổ tức**	%	**6**		

3. Công tác Đầu tư Xây dựng Cơ bản

3.1 Tình hình thực hiện

Công ty tập trung vào công tác giải quyết, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thực hiện tiếp trả nợ khối lượng năm trước 04 dự án (Dự án đầu tư khai thác giai đoạn II; Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2014; Dự án đầu tư thiết bị năm 2015; Dự án đầu tư thiết bị khắc phục sự cố năm 2015) Thực hiện chuyển tiếp 02 dự án (Dự án đầu tư khai thác giai đoạn II, Dự án xây dựng khu nhà ở công nhân); thực hiện đầu tư mới dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016; Chuẩn bị đầu tư dự án nâng cao

năng lực thoát nước phục vụ khai thác hầm lò. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTXD 2016 như sau:

Tổng giá trị đầu tư thực hiện là: 143.290 tr.đồng/KH: 205.450 tr.đồng, đạt 69,7%.

Trong đó: + Xây lắp 48.999 tr.đồng/ KH: 58.191 tr.đồng; đạt 84,%.

+ Thiết bị: 90.262 tr.đồng/KH: 139.833 tr.đồng; đạt 64,5%.

+ Chi phí quản lý, tư vấn và khác: 4.029 tr.đồng/KH: 7.426 tr.đồng; đạt 54,3%.

3.2. Công tác môi trường tập trung

Năm 2016 Công ty thực hiện dự án cải tạo khối phục suối +9,8 khối lượng thực hiện trong năm đạt 80% tương ứng với giá trị 6.423.547.584 đồng khối lượng còn lại 20% chưa thi công do mặt bằng chưa được giải phóng xong (22 hộ khu vực hạ lưu suối) phần khối lượng này sẽ được Công ty thực hiện hoàn thành trước mùa mưa bão năm 2017.

3.3. Công tác địa chính- Giải phóng mặt bằng

Kế hoạch bồi thường GPMB năm 2016 tổng số 50 hộ dân cần di dời giá trị 52.133.848.462 đồng. Thực hiện năm 2016 di dời tổng số 37 hộ dân giá trị đã chi trả là 33.439.533.186 đồng.

Tóm lại: Năm 2016, mặc dù một số chế độ nhà nước thay đổi, giá cả biến động, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước các cơ quan chính quyền Tỉnh, Thành phố, Địa phương và sự kết hợp của các đối tác; sự cố gắng của tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty và bằng nhiều giải pháp quản lý điều hành, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật điều chỉnh năm 2016, doanh thu vượt kế hoạch, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên có thu nhập bình quân đạt 10.622.000 đồng/người tháng, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

Năm 2016 Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ của công ty từ 150 tỷ lên 214 tỷ.

Do vậy năm 2016 Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông là 6%.

III. Các chỉ tiêu chính KH SXKD năm 2018 và KH nhiệm ký 2018-2023.

TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2018 *(CV6059TKV)*	Ghi chú
A	**Sản xuất**			
I	***Than sản xuất***	Tấn	**1.450.000**	
1	Than hầm lò	Tấn	1.300.000	
2	Than Lộ thiên	Tấn	150.000	
	- Nội bộ làm	"	50.000	
	- Than giao thầu	"	100.000	
II	***Bóc đất đá***	M^3	**2.011.000**	
1	Tự làm	M^3	664.000	

TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2018 *(CV6059TKV)*	Ghi chú
2	Thuê thầu khai thác	M^3	1.347.000	
III	***Mét lò đào tổng số***	*M*	**17.800**	
1	Đào lò CBSX	M	17.800	
	- Nội bộ làm	"	15.800	
	- Mét lò đào thuê ngoài	"	2.000	
IV	***Lò xén***	M	**500**	
1	Mét lò xén CBSX	M	500	
B	**Than tiêu thụ tổng số**	*Tấn*	**1.426.000**	
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.250.000	
2	Than sạch giao KV	Tấn	176.000	
C	**Giá trị đầu tư**	Tr.đ	**202.701**	
	Xây lắp	Tr.đ	50.704	
	Thiết bị	Tr.đ	136.979	
	Khác	Tr.đ	15.018	
D	**Doanh thu tổng số**	Tr.đ	**1.673.131**	
E	**Lợi nhuận**	Tr.đ	22.954	
F	**Thu nhập bình quân**	Tr.đ/ng/th	**11.888**	

III. Các chỉ tiêu chính KH SXKD năm 2018 và KH nhiệm kỳ 2018-2023.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Diễn biến thực hiện				Ghi chú
			2019	2020	2.021	2.022	
1	**Than nguyên khai**	**1000 t**	**1.650**	**1.650**	**1.650**	**1.650**	
	- Than lộ thiên	,,	***150***	***150***	***150***	***150***	
	+ Tự làm						
	+ Thuê thầu		150	150	150	150	
	- Than hầm lò	,,	***1.500***	***1.500***	***1.500***	***1.500***	
2	**Đất đá bóc**	**1000 m3**	**1.275**	**965**	**1.141**	**1.557**	
	+ Công ty	103m3					
	+ Giao thầu khai thác	,,	1.275	965	1.141	1.557	
3	**Đào lò mới**	**m**	**19.800**	**19.500**	**19.500**	**19.500**	
a	Mét lò CBSX	m	**19.800**	**19.500**	**19.500**	**19.500**	
	- Lò đá,	,,	5.500	5.000	5.000	5.000	19,84286
	- Lò than,	,,	14.300	14.500	14.500	14.500	
	+ Mét lò thuê ngoài		2.000	2.000	2.000	2.000	

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Diễn biến thực hiện				Ghi chú
			2019	2020	2.021	2.022	
b	Mét lò xén	m	2.500	2.500	2.500	2.500	
VII	Chỉ tiêu công nghệ						
1	Hệ số bóc chung công ty		8,50	6,43	7,61	10,38	
	+ Công ty						
	+ Giao thầu khai thác		8,50	6,43	7,61	10,38	
2	Hệ số mét lò CBSX	m/1000t	13,20	13,00	13,00	13,00	

IV. Các giải pháp nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả SXKD giai đoạn năm 2018÷2023.

1. Khu vực khai thác hầm lò.

Trữ lượng CN (than NK) mức -250-:- -100 còn lại (từ năm 2018) xấp xỉ 12,15 triệu tấn, thời gian tồn tại xấp xỉ 8 năm, do đó ngay từ đầu năm 2018 phải tập trung thi công đào cặp lò Ngầm trung tâm xuống sâu đến mức -400 để khai thông nhanh cho phân tầng mức -400-:- -250. Dự kiến đến hết năm 2018 sẽ thông được cặp ngầm ở mức -400, đến hết năm 2020 thi công xong hệ thống sân ga hầm trạm cho mức -400.

Công ty đã được TKV giao quản lý, bảo vệ ranh giới mỏ, tài nguyên trữ lượng than tại mỏ Bắc Cọc Sáu (Dưới mức -200) và gầm mỏ Cọc Sáu theo quyết định số: 2072/QĐ-TKV, tuy nhiên đối với tài nguyên trữ lượng khu mỏ Bắc Cọc Sáu với tỷ lệ tin cậy thấp (33,6%) cần phải khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng, dự kiến cuối năm 2021 Công ty mới tiến hành khoan thăm dò và nâng cấp được trữ lượng để lập dự án khai thác hầm lò mở rộng nâng công suất mỏ than Mông Dương (bao gồm cả tài nguyên trữ lượng của mỏ Mông Dương, mỏ Bắc Cọc Sáu và gầm Cọc Sáu huy động về, dự kiến đến hết năm 2024 mới tiến hành xong các thủ tục, do đó để đưa phân tầng -250 ÷ -400 vào sản xuất phải tiến hành các thủ tục lập dự án duy trì sản xuất để đảm bảo tiến độ khai thông tầng -250-:- -400 ngay từ năm 2018 (Đặc biệt là thi công đào Giếng đứng Trung tâm để phục vụ cho công tác vận tải, thông gió, thoát nước cho phân tầng -250÷ -400.

Khu vực ĐBMD từ mức -150-:--250 lộ vỉa trữ lượng CN theo tài liệu địa chất còn lại 2,4 triệu tấn, tuy nhiên, qua quá trình thi công đào lò khai thông chuẩn bị cho khu vực này điều kiện địa chất gặp nhiều biến động khác so với tài liệu, phay phá, vỉa mỏng < 0,8m (Trữ lượng CN khu vực đã chuẩn bị được chỉ còn ≈ 60.000T (Vỉa 8, vỉa 6). Trong KH 2018 Công ty có huy động đào lò CBSX khai thông mở diện cho vỉa 6, để chuẩn bị 02 lò chợ vào cuối năm, tuy nhiên hiện tại Công ty đã phải dừng đào lò, 6 tháng cuối năm sản lượng khai thác sẽ tập trung vào khu vực trung tâm, do đó dây truyền vận tải lên than hầm lò gặp nhiều khó khăn, trước mắt Công ty sẽ tập trung cải tạo nâng cấp lại hệ thống vận tải của dây truyền lên than mỏ để đáp ứng được yêu cầu. Mặt khác, để nâng cao năng lực vận

tải kết nối liên hoàn với tuyến băng tải trung hầm lò để vận chuyển than liên tục từ mức -250 lên mặt bằng, Công ty sẽ phải thi công bổ sung đào ngay tuyến ngầm vận tải băng tải từ mặt bằng mức +20-:- -97,5 (theo dự án).

Với tỷ lệ hao hụt nhân lực tự nhiên hàng năm theo thống kê của Công ty thì số lượng công nhân tuyển bổ sung hàng năm chỉ đủ đền bù tỷ lệ hao hụt, trong điều kiện nguồn nhân lực ngày càng hạn chế thì việc áp dụng cơ giới hóa khai thác, nâng cao, công suất, năng suất là hết sức cần thiết. Trong năm 2018 Công ty sẽ chủ động phối hợp với Viện KHCN mỏ rà soát tài liệu địa chất các vỉa, lập hồ sơ để đưa ngay lò chợ cơ giới hóa khai thác vào từ năm 2019 (Vỉa L7 Vũ môn trữ lượng công nghiệp xấp xỉ 4 triệu tấn (Từ mức -400-:- -250), trong đó từ mức -250-:- -100 xấp xỉ 2,5 triệu tấn) để nâng công suất khai thác lò chợ, năng suất lao động.

Về công nghệ khai thác sử dụng tối đa vì chống thuỷ lực (XDY; ZH-1600) để chống giữ lò chợ và duy trì công nghệ chống giữ lò chợ bằng dàn chống mềm ZRY khai thác vỉa dốc đứng nhằm tăng năng suất, an toàn.

Tập trung tối đa cho công tác chống lò bằng vì neo cho các gương lò có điều kiện áp dụng phù hợp để giảm chi phí vật liệu, giảm khối lượng, chi phí vận chuyển vật liệu chống giữ và chi phí duy tu xén lò.

Sơ đồ khai thông chuẩn bị mỏ Mông Dương bao gồm rất nhiều các tuyến vận tải, lò nghiêng, giếng mù, diện sản xuất không tập trung, trải dài do đó việc cơ giới hóa tối đa cho công tác đi lại, vận chuyển chở người, vật liệu giảm thời gian đi lại, sức lao động thủ công, nâng cao hiệu quả an toàn được tập trung tối đa.

2. Khu vực khai thác Lộ thiên.

Khu vực Cánh Tây: Thuê thầu khai thác, trữ lượng 327.000 tấn, đến cuối năm 2017 mới khai thác được, trong năm 2018 KH sản lượng 100.000 tấn, như vậy, thời gian thực hiện kết thúc khai thác phải đến hết năm 2020 mới kết thúc khai thác được. Theo giấy phép khai thác (số 2684/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ tài nguyên Môi trường) thời hạn khai thác đến 30/12/2018, để tiếp tục thực hiện giao thầu khai thác khu vực này cần phải lập thiết kế điều chỉnh để xin gia hạn giấy phép khai thác để đưa vào khai thác cho các năm 2019, 2020.

Khu vực Cánh Đông: Công ty đã kết thúc khai thác theo giấy phép gia hạn số 697/GP-BTNMT (thời hạn giấy phép hết 30/12/2017), tuy nhiên trữ lượng than còn lại chưa khai thác hết đến mức -10 của giấy phép gia hạn số 697 là 69.587 tấn, hiện nay Công ty đang tạm dừng khai thác khu vực Cánh Đông để xin ý kiến của Tổng Cục Địa chất- Khoáng sản Việt Nam được tiếp tục khai thác hết trữ lượng trong giấy phép được cấp. Phần trữ lượng than từ mức -10-:- -40 của vỉa II11 Cánh Đông là 210.000 tấn, hiện nay Công ty đang triển khai lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật và làm các thủ tục để xin cấp phép khai thác dự kiến đến cuối năm 2021 sẽ tiến hành khai thác.

Khu vực Đông Bắc Mông Dương: Tổng trữ lượng than 211.000 tấn, tập trung tại vỉa 8; 9; 10 theo giấy phép khai thác số 2684/GP-BTNMT. Trong đó khu vực vỉa 8 trữ lượng 183.000 Tấn (chiếm 86% trữ lượng ĐBMD) dự kiến tiến hành khai thác vào năm 2019, 2020, hiện nay không giải phóng được mặt bằng để làm

thủ tục thuê đất do vướng mắc về ranh giới với công ty Thiên Thuận Tường, cũng như dự án khu giết mổ gia súc tập trung mới giáp khai trường khai thác khu vực vỉa 8. Công ty sẽ tính toán lại chi phí và báo cáo TKV xin chủ trương cho Công ty được thuê ngoài đơn vị có đủ năng lực thực hiện các khâu công đoạn khai thác than khu vực vỉa 8 ĐBMD có sự kiểm soát các chỉ tiêu công nghệ.

3. Kế hoạch thực hiện đầu tư giai đoạn 2018-2020.

Năm 2018 theo kế hoạch Công ty dự kiến sẽ thực hiện 04 dự án trong đó: Chuyển tiếp Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh) và dự án bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan; Đầu tư mới dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2018; Hệ thống rửa mũi cho công nhân hầm lò. Tổng giá trị dự kiến thực hiện xây dựng cơ bản là 188.511 Tr.đồng.

Năm 2019 Công ty dự kiến thực hiện đầu tư mới 05 dự án bao gồm: Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019; Dự án đầu tư trạm xử lý nước sinh hoạt và nước thải sinh hoạt công suất đến 1500m^3/ngày đêm; Dự án cơ giới hóa khai thác lò chợ mỏ than Mông Dương; Dự án Tự động hóa hệ thống hầm bơm và kiểm soát nước mỏ (giai đoạn I hầm bơm -250 khu Đông Bắc); Dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương. Tổng giá trị dự kiến thực hiện năm 2019 là 239.574 Tr.đồng.

Năm 2020 Công ty dự kiến thực hiện đầu tư mới 03 dự án: Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020; Dự án đầu tư xây dựng nhà tắm giặt sấy và khu chế biến nhà ăn; Tự động hóa hệ thống hầm bơm và kiểm soát nước mỏ (Giai đoạn II hầm bơm -250 khu Trung Tâm); Dự án DTSX mức dưới -250 mở rộng sản xuất. Tổng giá trị dự kiến thực hiện năm 2020 là 123.194 tr.đồng.

Đối với các dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất hàng năm Công ty sẽ chủ động thực hiện lập ngay các dự án sau khi có kế hoạch kỹ thuật công nghệ đồng thời trình phê duyệt các cấp thẩm quyền trong thời gian sớm nhất để kịp thời đầu tư có thiết bị phục vụ sản xuất.

Đối với dự án Đầu tư DTSX mức dưới -250 mở rộng sản xuất Công ty sẽ thực hiện đẩy nhanh công tác khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng đồng thời làm các thủ tục xin cấp phép khai thác để đảm bảo lập được dự án trong năm 2020.

Trên đây là báo cáo về thực hiện SXKD năm 2017 và nhiệm kỳ II (2013-2017) và KHSXKD năm 2018, nhiệm kỳ III (2018-2023) của Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận
- HĐQT; BKS; Giám đốc (ecopy);
- Phòng KH, TCLĐ, Thư ký (ecopy);
- Lưu: Văn thư, KH (2); Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 763 /BC-TMD	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

BÁO CÁO
Hoạt động của HĐQT năm 2017 và nhiệm kỳ II (2013-2018); Phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 và nhiệm kỳ III (2018-2023)

Thực hiện quyết định số 3673/QĐ-BCN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển Công ty Than Mông Dương- TKV thành Công ty cổ phần Than Mông Dương - TKV đến nay Công ty đã trải qua 02 nhiệm kỳ kế hoạch 05 năm.

Với mục tiêu "An toàn, ổn định, hiệu quả" vì sự phát triển lâu dài, bền vững của Công ty, vì quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và nhiệm kỳ III (2018-2013) lần này, Hội đồng Quản trị kiểm điểm tình hình hoạt động của HĐQT năm 2017 và nhiệm kỳ II (2013-2018) đề ra những nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2018 và nhiệm kỳ III (2018-2023) như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017, NHIỆM KỲ II (2013 – 2018).

Trong năm 2017 và nhiệm kỳ II (2013-2018), Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên trung bình mỗi tháng 2 lần, giải quyết các việc liên quan đến công tác chỉ đạo quản lý điều hành SXKD. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

1. Về nhân sự và số phiên họp HĐQT.

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch	Không ĐH	54,03	0	(03/4-:- 31/12)/2017
2	Nguyễn Quế Thanh	Uỷ viên	Điều hành		0	(03/4-:- 31/12)/2017
3	Bùi Văn Kiểm	Uỷ viên	Điều hành		0,016	(01/01-:- 31/12)/2017
4	Phạm Thị Hải	Uỷ viên	Điều hành		0,015	(01/01-:- 31/12)/2017
5	Vadym D'omin	Uỷ viên	Không ĐH	16,99	0	(01/01-:- 31/12)/2017

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông: Phạm Công Hương đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị ba đơn vị: Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; Công ty cổ phần than Núi Béo- Viancomin và Chủ tịch công ty của Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV.

b. Về nội dung họp HĐQT:

Hội đồng Quản trị được Đại hội giao quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 24 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 24 Nghị quyết liên quan đến các công việc chủ yếu trong 07 lĩnh vực quản lý, điều hành sau: Giám sát, quản lý điều hành SXKD…; Đầu tư – Xây dựng, Dự án hầm lò; Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ; Lao động tiền lương, chế độ chính sách…; Quản lý tài chính; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ; Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông…

Chi tiết nội dung các cuộc họp HĐQT được Công ty nêu tại Báo cáo quản trị Công ty hàng năm và được công bố trên các phương tiện thông tin của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, trang Web của Công ty.

2. Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

a. Nhiệm vụ SXKD:

Năm 2017, nhiệm kỳ II (2013 – 2018) là giai đoạn Công ty dần giảm sản lượng khai thác than lộ thiên, tập trung diện khai thác than Hầm lò. Do đó cùng với những khó khăn chung của nền kinh tế và của ngành than, diện khai thác của Công ty ngày càng đi xa, xuống sâu gặp nhiều khó khăn về điều kiện địa chất, khí, gió, nước, vận tải..., về thời tiết mưa bão kéo dài năm 2015 gây ngập mỏ phải dừng SX để khắc phục hậu quả mưa lũ, thiết bị sau ngập mỏ nhanh chóng xuống cấp, hỏng nhiều... song với trách nhiệm, kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, và được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách phấn đấu hoàn thành cơ bản nhiệm vụ SXKD năm 2017 và nhiệm kỳ II (2013-2018) do Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCN lao động ổn định.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH năm	
						Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua
(A)	(B)	(C)	1	2	3	(5=3/1)	(4=3/2)
1	Sản lượng						

1.1	Than sản xuất	10^3Tấn	1,550	1,375	1,255	80.9	91.2
	+ Hầm lò		1,400	1,200	1,120	80.0	93.3
	+ Lộ thiên		150	175	135	89.9	77.0
1.2	Đất đá bốc xúc	10^3M3	2,102	1,489	942	44.8	63.2
1.3	Mét lò đào	m	18,700	16,000	15,717	84.0	98.2
1.4	Than tiêu thụ	10^3tấn	1,519	1,350	1,236	81.4	91.6
2	Tổng d.thu	Tr.đg	1,707,292	1,538,350	1,445,500	84.7	94.0
	Trg đó: DT than	Tr.đg	1,707,292	1,538,350	1,438,144	84.2	93.5
3	Giá trị đầu tư	Tr.đg	221,976	111,112	68,892	31.0	62.0
	- Xây lắp	Tr.đg	103,918	5,683	-5,533	-5.3	-97.4
	- Thiết bị	Tr.đg	102,309	96,443	70,958	69.4	73.6
	- Chi phí khác	Tr.đg	15,749	8,986	3,466	22.0	38.6
4	Lợi nhuận	Tr.đg	23,636	20,500	19,306	81.7	94.2
5	Cổ tức	%	6.0		4.0		

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ II (2013 – 2018)

Chi tiết đánh giá mọi hoạt động SXKD đề nghị Quý vị cổ đông xem tại Báo cáo kết quả SXKD năm 2017, nhiệm kỳ II (2013 ÷ 2018); Kế hoạch SXKD năm 2018, nhiệm kỳ III (2018 ÷ 2023) đăng tại trang Web của Công ty.

b. Nhiệm vụ tăng vốn Điều lệ

- Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

- Việc tăng vốn điều lệ của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; mọi quyền lợi của cổ đông được đảm bảo. Trước và sau đợt phát hành cổ phiếu thưởng, Công ty không nhận được bất kỳ khiếu kiện nào từ phía các cổ đông.

c. Nhiệm vụ bảo toàn và phát triển nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

- Năm 2017, nhiệm kỳ II (2013-2018) hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả cao, Công ty đã bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh đồng thời chấp hành đầy đủ chính sách thuế và nghĩa vụ của Nhà nước, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thời điểm (31/12)		Tỉ lệ
			Năm 2013	Năm 2017	%
1	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	927,635	1,320,500	142,3
2	Vốn chủ sở hữu	"	211,695	229,341	108,3
3	Nghĩa vụ thuế	Tỷ đồng	190,502	387,339	201,7

- Về công tác thoái vốn: Công ty đang tiến hành thoái vốn tại Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả và đang chào bán cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán upcom.

d. Về công tác giám sát

Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty, bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng… thông qua việc giám sát chấp hành các

quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội cổ đông đề ra và có đánh giá, nhận xét như sau:

- Các cán bộ quản lý Công ty đều có trình độ năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực được phân công phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn;

- Các cán bộ quản lý Công ty không vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, triển khai kiểm soát tốt mọi hoạt động SXKD Công ty. Các văn bản quản lý nội bộ do Giám đốc Công ty ban hành không vượt quá thẩm quyền phù hợp với các chuẩn mực, quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài việc giám sát cán bộ quản lý nói trên, trong quá trình hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

*** *Tóm lại:*** Trong nhiệm kỳ hoạt động 5 năm 2013-2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2018, NHIỆM KỲ (2018 – 2023):

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể như sau:

A. Mục tiêu:

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty lâu dài.

B. Nhiệm vụ.

1. Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xuống sâu khai thác hầm lò mỏ than Mông Dương để duy trì SX cho các năm tiếp theo.

2. Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án tái cấu trúc để phù hợp theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

3. Triển khai thực hiện cơ chế tuyển dụng, thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty.

4. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa lò chợ, tự động hóa vào sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí…

5. Giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một các vững chắc.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

7. Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác môi trường. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với truyền thống kỷ luật đồng tâm, vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

8. Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, nhiệm kỳ II (2013-2018); phương hướng nhiệm vụ năm 2018, nhiệm kỳ III (2018-2023). Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Quý vị cổ đông.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN
TP.CẨM PHẢ T.QUẢNG NINH

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN** Số: 765/QC-MDC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Quảng Ninh, ngày tháng 4 năm 2018

QUY CHẾ BẦU CỬ
HĐQT, BKS CÔNG TY NHIỆM KỲ III

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/4/2016;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và nhiệm kỳ III năm 2018-2023 ("Đại hội") của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin ("Công ty") dự kiến tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát ("BKS") của Công ty theo các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1.1. Nguyên tắc bầu cử:

a) Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;

b) Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.

1.2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông của Công ty hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo danh sách chốt cổ đông vào ngày 03/4/2018 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn đối với thành viên HĐQT, BKS

2.1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 thành viên, số lượng thành viên BKS được bầu là 03 thành viên.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành thành viên HĐQT và BKS: Thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Điều 3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS

3.1. Trước giờ khai mạc Đại hội, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT và BKS.

3.2. Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS được thực hiện như sau:

- Đối với thành viên HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày chốt danh sách họp Đại hội đồng cổ đông (03/4/2018) được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ (năm) ứng viên.

- Đối với thành viên BKS: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày chốt danh sách họp Đại hội đồng cổ đông (03/4/2018) được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; và nếu từ 50% trở lên được đề cử đủ (ba) ứng viên

3.3. Trường hợp số lượng các ứng viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ năm (05) ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT và ba (03) ứng viên cho vị trí thành viên BKS, thì HĐQT, BKS đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng viên HĐQT, BKS cho đủ số lượng nêu trên.

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS

4.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT và BKS;

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;

- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong ít nhất sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày chốt danh sách cổ đông họp ĐHĐCĐ do Công ty Chứng khoán nơi cổ đông đó mở tài khoản hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận. Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký chứng khoán thì Công ty xác nhận số cổ phần. Đối với các cổ đông nội bộ Công ty, cổ đông lớn của Công ty thì không cần giấy xác nhận cổ phần. Trường hợp cần xác minh lại số cổ phần của cổ đông, Công ty sẽ liên hệ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để đối chiếu xác nhận thông tin.

- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ theo mẫu của Công ty quy định (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);

- Bản sao công chứng CMND hoặc hộ chiếu của ứng cử viên;

- Xác nhận về nhân thân và chữ ký của cổ đông là cá nhân (áp dụng đối với trường hợp cổ đông/nhóm cổ đông là cá nhân đề cử ứng cử viên) như sau:

+ Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan công chứng; hoặc

+ Cổ đông trực tiếp đến trụ sở Công ty để đối chiếu, xác nhận với Ban tổ chức Đại hội chậm nhất là trước 16h00 ngày 23/04/2018.

4.2. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử phải được gửi về Văn phòng Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin, phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh trước trước 16h00 ngày 23/04/2018.

Đối với các trường hợp đề cử/ứng cử trực tiếp tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông đề cử/ứng cử phải cung cấp ngay, đầy đủ hồ sơ đề cử/ứng cử như Mục 4.1 nêu trên cho Chủ tọa Đại hội để được xem xét đưa vào danh sách ứng viên.

4.3. Chỉ những hồ sơ ứng cử/đề cử đáp ứng đủ điều kiện ứng cử /đề cử, gửi về Công ty đúng thời hạn nêu trên và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT/BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

Điều 5. Phương thức bầu cử

5.1. Việc bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT (05 thành viên) khi bầu HĐQT, số thành viên được bầu của BKS (03 thành viên) khi bầu BKS Công ty.

5.2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một (01) ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn.

Điều 6. Phiếu bầu cử, cách ghi phiếu, bỏ phiếu, kiểm phiếu

6.1. Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS:

a) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được cấp Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS ngay trước khi việc bầu cử diễn ra. Phiếu bầu cử trên đó có ghi: (1) Tên cổ đông; (2) mã số cổ đông; (3) số cổ phần và số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS; (4) Tên các ứng viên đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS được Đại hội biểu quyết thông qua.

b) Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS có đóng dấu treo của Công ty.

6.2. Cách ghi phiếu và tính hợp lệ, không hợp lệ của phiếu bầu cử:

a) Cách ghi phiếu: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đồng ý bầu cho ứng viên nào, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

b) Phiếu bầu cử hợp lệ:

- Là Phiếu bầu cử do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;

- Phiếu bầu cử có đóng dấu treo của Công ty;

- Phiếu bầu cử không bị rách, tẩy xoá, sửa chữa; phiếu ghi đầy đủ tên các ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua;

- Được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền ký xác nhận;

- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;

- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên không vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu.

c) Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu bầu cử không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;

- Phiếu bầu cử không có dấu treo của Công ty;

- Phiếu bầu cử bị rách, tẩy xoá, sửa chữa; phiếu ghi thêm tên các ứng cử viên không được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua;

- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;

- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu;

- Phiếu bầu cử nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

6.3. Nguyên tắc bỏ phiếu:

a) Ban kiểm phiếu sẽ lập các hòm phiếu và tiến hành kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.

6.4. Quy định việc kiểm phiếu:

a) Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc theo quy định như sau:

- Ban kiểm phiếu làm việc trong một (01) phòng riêng hoặc khu vực riêng. Ngoài Ban kiểm phiếu và các thành viên giúp việc đã được Ban kiểm phiếu phân công thì không cho phép bất cứ người nào khác vào trong khu vực kiểm phiếu, kể cả cổ đông Công ty.

- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu và sử dụng thành viên giúp việc cần thiết.

- Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu bầu.

- Kiểm tra lần lượt từng Phiếu bầu và ghi kết quả kiểm phiếu.

- Niêm phong toàn bộ các Phiếu bầu, bàn giao lại cho HĐQT ngay sau khi Đại hội bế mạc.

b) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu công bố tại Đại hội. Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;

- Thành phần Ban kiểm phiếu;

- Tổng số cổ đông tham gia dự họp;

- Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;

- Số Phiếu bầu hợp lệ, Phiếu bầu không hợp lệ;

- Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào HĐQT, BKS;

- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu và xác nhận của Chủ tọa Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS

Người trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT là năm (05) thành viên, BKS là ba (03) thành viên. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau ngay tại Đại hội.

Điều 8. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ trực tiếp kiểm tra lại. Nếu phát hiện sai sót hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu, Ban tổ chức Đại hội sẽ tổ chức bầu cử lại và Ban kiểm phiếu phải chịu bồi hoàn toàn bộ chi phí. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 9. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

* Đính kèm Quy chế:

- Mẫu đơn cổ đông tự ứng cử thành viên HĐQT, BKS;

- Mẫu đơn cổ đông và/hoặc Nhóm cổ đông đề cử ứng viên HĐQT, BKS;

- Sơ yếu lý lịch do các ứng viên tự khai.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ T. QUẢNG NINH

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 769/TTr - TMD	*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

TỜ TRÌNH

V.v Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017;

Kế hoạch lợi tức năm 2018 - Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và chế độ tài chính kế toàn hiện hành;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng hoạch tức năm 2018 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

1. Tổng lợi nhuận trước thuế:	**19.305.676.662**	**đồng**
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	**7.998.240.335**	**đồng**
3. Lợi nhuận sau thuế:	**11.307.436.327**	**đồng**
a. Chia cổ tức năm 2017 (4% vốn điều lệ):	8.567.338.400	đồng
b. Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ:	2.740.097.927	đồng
Trong đó:		
- Quỹ đầu tư phát triển:	0	đồng
- Quỹ khen thưởng phúc lợi:	2.556.318.701	đồng
- Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty:	183.779.226	đồng
(1,0 tháng lương BQ thực hiện của VCQL)		

II. Tổ chức chi trả cổ tức năm 2017: Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2018. Đề nghị Đại hội

đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

III. Kế hoạch trả cổ tức năm 2018: Mức trả cổ tức dự kiến từ 4% -:- 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2018 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:
- Cổ đông của Công ty;
- Uỷ viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Văn phòng (Đăng trên Wetsite);
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ T. QUẢNG NINH

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Số: 768 /TTr - TMD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2017
Đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán PKF Việt Nam

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ (01/01/2017)	Số dư cuối kỳ (31/12/2017)
I	**Tài sản ngắn hạn**	**382,353,470,846**	**371,461,747,286**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2,812,785,841	3,495,525,272
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	12,425,430,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	337,716,223,352	315,126,343,152
4	Hàng tồn kho	31,904,545,794	29,290,197,149
5	Tài sản ngắn hạn khác	9,919,915,859	11,124,251,713
II	**Tài sản dài hạn**	**937,473,723,844**	**949,039,171,416**
1	Các khoản phải thu dài hạn	18,912,415,729	20,160,695,141
2	Tài sản cố định	537,095,773,382	565,952,044,052
	- Tài sản cố định hữu hình	537,095,773,382	565,952,044,052
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	106,094,003,138	8,165,012,040
4	Bất động sản đầu tư	0	0
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9,067,141,030	0
6	Tài sản dài hạn khác	266,304,390,565	354,761,420,183
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)	**1,319,827,194,690**	**1,320,500,918,702**
III	**Nợ phải trả**	**1,075,045,018,546**	**1,084,653,956,411**
1	Nợ ngắn hạn	556,075,771,896	535,425,804,330
2	Nợ dài hạn	518,969,246,650	549,228,152,081
IV	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**244,782,176,144**	**235,846,962,291**
1	Vốn chủ sở hữu	237,398,511,091	229,341,044,114
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	*214,183,460,000*	*214,183,460,000*
	- Thặng dư vốn cổ phần	*0*	*0*
	- Quyền chọn chuyển đổi trái		

	phiếu			
	- Vốn khác của chủ sở hữu		*0*	*0*
	- Cổ phiếu quỹ			
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
	- Quỹ đầu tư phát triển		*1,058,478,200*	*3,850,147,787*
	- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		*0*	*0*
	- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		*22,156,572,891*	*11,307,436,327*
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		*0*	*0*
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		7,383,665,053	6,505,918,177
-	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (III+IV)**	-	**1,319,827,194,690**	**1,320,500,918,702**

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

STT	Chỉ tiêu		Năm trước	Năm nay
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,590,547,542,010	1,444,346,612,605
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,590,547,542,010	1,444,346,612,605
4	Giá vốn hàng bán		1,353,920,232,737	1,228,557,989,853
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		236,627,309,273	215,788,622,752
6	Doanh thu hoạt động tài chính		584,536,753	598,270,886
7	Chi phí tài chính		48,784,245,425	58,469,907,361
8	Chi phí bán hàng		16,722,250,940	14,123,957,528
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		141,338,347,545	122,704,507,828
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30,367,002,116	21,088,520,921
11	Thu nhập khác		1,411,807,526	555,496,709
12	Chi phí khác		3,001,585,703	2,338,340,968
13	Lợi nhuận khác		(1,589,778,177)	(1,782,844,259)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28,777,223,939	19,305,676,662
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		6,706,175,528	7,998,240,335

16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		22,071,048,411	11,307,436,327
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		726	528

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước	Năm nay
1	***Cơ cấu tài sản***			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	71.03	71.87
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	28.97	28.13
2	***Cơ cấu nguồn vốn***			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	81.45	82.14
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	18.55	17.86
3	***Tỷ suất lợi nhuận***			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1.67	0.86
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	1.39	0.78
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9.02	4.79
4	***Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu***	***lần***	***4.53***	***4.73***
5	***Hệ số thanh toán nợ đến hạn***	***lần***	***0.69***	***0.69***

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thị Hải

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN

Nguyễn Quế Thanh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN- KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 770 /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
Về việc: Chi trả tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

1. Chi trả tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2017

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin năm 2017; Căn cứ kết quả thanh quyết toán chi phí năm: Mức tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2017 của Công ty được chi trả như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6		285,6	
2	Ban Kiểm soát	3	379,9	279,1	100,8	
3	Ban Giám đốc	7	1.965,8	1.965,8		
	Tổng số		2.631,3	2.244,9	386,4	

2. Đề xuất mức tiền lương đối với người quản lý và thù lao Hội đồng quản lý, ban Kiểm soát, Thư ký công ty năm 2018 như sau:

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty năm 2017 và hiện nay Công ty đang thực hiện đồng thời 02 nhiệm vụ chiến lược: Vừa sản xuất và khai thác than hầm lò, vừa khai thác than lộ thiên. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị áp dụng hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP và thực hiện các văn bản hướng dẫn của TKV: Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Quyết định số 6059/TKV-KH ngày 20/12/2017; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý quản lý, mức thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát, Thư ký công ty dự kiến như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	05	285,6		285,6	
-	*Chủ tịch HĐQT*	*01*	*64,8*		*64,8*	
-	*Ủy viên HĐQT*	*04*	*220,8*		*220,8*	
2	Ban Kiểm soát	03	156,0		156,0	
-	*Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV.*	*01*	*55,2*		*55,2*	
-	*UV Ban kiểm soát*	*02*	*100,8*		*100,8*	
3	Ban Giám đốc	07	1.976,8	1.976,8		
4	Thư ký Công ty	1	50,4		50,4	
	Tổng số		**2.468,8**	**1.976,8**	**492,0**	

- **Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;

- Hằng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN

Phạm Công Hương

CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG – VINACOMIN **BAN KIỂM SOÁT**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Mông Dương, ngày tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty CP than Mông Dương–Vinacomin

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát công ty được quy định tại điều 165 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, được quy định tại điều 36 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần than Mông Dương – TKV đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 25/12/2007 sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 01/7/2011.

Căn cứ năng lực của Công ty TNHH PKF Việt Nam

Ban kiểm soát công ty cổ phần than Mông Dương - Viancomin xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông quan và ủy quyền cho giám đốc Công ty cổ phần than Mông Dương chỉ định công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

Tên công ty : Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Trụ sở chính: Số 1 – Nguyễn Huy Tưởng – Phường Thanh Xuân Trung – Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội

ĐT: +84 24 6664 4488 FAX: +84 24 6664 2233

Email: pkf.hcm@pkf.com.vn

Thực hiện nhiệm vụ :

1. Kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2018 của Công ty.
2. Kiểm toán theo yêu cầu khác.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN

Nguyễn Thế Hanh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN- KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN

Số: 772 /BC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin thẩm định kết quả báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty như sau :

1. Xác nhận tính tuân thủ thực hiện kế hoạch trong hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Công ty cổ phần Than Mông Dương và TKV năm 2017.

2. Xác nhận tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và độ tin cậy trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban giám đốc điều hành công ty.

3. Xác nhận tính trung thực, chính xác trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, tài chính và lập báo cáo tài chính năm 2017. Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn TKV, đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2017, Kết quả HĐKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã do Công ty kiểm toán độc lập " *Công ty TNHH PKF Việt Nam* " kiểm toán, số liệu trong báo cáo tài chính năm 2017 đã được Ban kiểm soát Công ty thẩm định xác nhận tính minh bạch, rõ ràng và độ tin cậy của báo cáo tài chính năm 2017 với các chỉ tiêu chủ yếu sau :

NỘI DUNG	ĐVT	Năm 2017
A. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu.		
I. Tổng tài sản (1+2)	**Đồng**	**1.320.500.918.705**
1. Tài sản ngắn hạn	-	**371.461.747.289**
Trong đó : - Tiền	-	3.495.525.272
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	12.425.430.000
- Các khoản phải thu ngắn hạn	-	315.126.343.152

- Tồn kho và dở dang cuối kỳ	-	29.290.197.152
+ *Nguyên vật liệu tồn kho*	-	*11.145.417.565*
+ *Công cụ dụng cụ tồn kho*	-	*22.520.000*
+ *Thành phẩm tồn kho*	-	*3.237.828.748*
+ *Bán thành phẩm tồn kho*	-	*14.884.430.839*
+ *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*		
- TS ngắn hạn khác		11.124.251.713
2. Tài sản dài hạn	-	**949.039.171.416**
II. Tổng nguồn vốn (1+2=3)	Đồng	**1.320.500.918.702**
1. Tổng nợ phải trả		**1.084.653.956.411**
Trong đó:		
+ Vay và nợ ngắn hạn		535.425.804.330
+ Vay và nợ dài hạn		549.228.152.081
2. Vốn chủ sở hữu		**229.341.044.114**
Trong đó : - Vốn góp của chủ SH (Mã 411)	*Đồng*	*214.183.460.000*
- Vốn khác CSH (Mã 414)	"	-
- Quĩ ĐTPT (Mã 418)	"	*3.850.147.787*
- LN sau thuế chưa phân phối (Mã 421)	"	*11.307.436.327*
3. Nguồn kinh phí và quỹ khác		**6.505.918.177**
III. Kết quả SXKD		
1. Tổng thu nhập (doanh thu)	Đồng	1.445.500.380.200
2. Doanh thu thuần	Đồng	1.444.346.612.605
3. Tổng chi phí hoạt động	Đồng	1.426.194.703.538
4.Lợi nhuận trước thuế	Đồng	19.305.676.662

5.Lợi nhuận sau thuế	Đồng	11.307.436.327
6.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cp)	đ/CP	528
7. Cổ phiếu	cp	
B. Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp.	-	
1. Vòng quay vốn lưu động (DT thuần / Tài sản ngắn hạn)	vòng	3,89
2. Khả năng thanh toán.		
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả).	lần	1,22
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn).	lần	0,69
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền /Nợ ngắn hạn).	lần	0,01
3. Hệ số nợ (Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu).	lần	4,73
4. Hệ số nợ (Nợ phải trả/ vốn điều lệ).	lần	5,06
5. Tỷ suất sinh lời.		
5.1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản(ROA).	%	0,86
5.2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / DT thuần.	%	0,78
5.3. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Vốn CSH.	%	8,42
5.4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn đầu tư của chủ sở hữu(ROE).	%	4,93

TM.BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thế Hanh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN

Số: 771 /BC-KSV
V/v: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của BKS Năm 2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2013-2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1159/QĐ-TKV ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam V/v ban hành Quy chế quản lý Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ kế hoạch số 01/KH-BKS, ngày05/01/2017 của Ban Kiểm soát Công ty CP Than Mông Dương-Vinacomin về việc kế hoạch kiểm soát năm 2017.

Ban Kiểm soát Công ty CP Than Mông Dương-Vinacomin báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát tại Công ty Than Mông Dương-Vinacomin năm 2017 cụ thể như sau:

I. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

*** Tình hình chung**

- ***Thuận lợi:*** Dưới sự lãnh đạo của BCH Đảng bộ, sự kiên định sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo Công ty, sự phối kết hợp chặt chẽ hiệu quả của các tổ chức Đoàn thể và phát huy tinh thần kỷ luật đồng tâm của người thợ mỏ. Công ty đã phát huy được tinh thần đoàn kết nội bộ và niềm tin của CBCNVC. Kết quả thực hiện năm 2017 cơ bản các chỉ tiêu tài chính sản xuất của công ty đảm bảo kế hoạch, tình hình tài chính công ty lành mạnh, ổn định.

- ***Khó khăn:*** Khu vực lộ thiên: Việc tổ chức sản xuất bị ảnh hưởng bởi các hộ dân cư lân cận đặc biệt trong công tác nổ mìn, các diện khai thác khu Cánh đông tới giai đoạn kết thúc, nhỏ lẻ, manh mún; khu vực Cánh Tây thuê thầu khai thác đã ký xong hợp đồng nhưng chưa triển khai được do còn vướng thủ tục giải phóng mặt bằng.

Khu vực hầm lò: Sản lượng than khai thác hầm lò 100% ở dưới mức -100 ÷ -250, các điều kiện kỹ thuật mỏ ngày càng khó khăn hơn; Tình trạng địa chất 1 số khu vực chuẩn bị khai thác và lò chợ đang khai thác gặp biến động lớn thường

xuyên gặp phải phay phá, vách sa, trụ nổi... phải thay đổi phương án khai thác, đào lò.

1. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Số liệu trong phụ lục số 01 kèm theo

2. Tình hình tài chính năm 2017.

2.1. Báo cáo tài chính

2.1.1. Bảng cân đối kế toán:

Số liệu trong phụ lục số 02

2.1.2 Phân tích một số chỉ tiêu tài chính

Số liệu trong phụ lục số 03 kèm theo

II. Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát Công ty năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018.

1. Về kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản trị Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, của Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty:

Chủ tịch HĐQT Công ty, Giám đốc Công ty đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để triển khai thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ trong năm 2017 HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo quy định.

Ban lãnh đạo điều hành thường xuyên tổ chức giao ban, họp thường kỳ để triển khai, rà soát tình hình thực hiện KHSXKD của Công ty theo tuần, tháng, quý.

Công ty đã thực hiện công việc quản lý, điều hành đơn vị đảm bảo tuân thủ điều lệ, các quy chế nội bộ của đơn vị và kỷ luật điều hành của TKV. Công ty chấp hành các quyết định, chỉ đạo của Tập đoàn là QĐ số 6035/QĐ- TKV ngày 18/12/2017 về điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2017.

Công ty thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với TKV theo quy định, kịp thời;

2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

a/ Việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp theo các nội dung sau:

- Hiệu quả sử dụng vốn:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): 4,93% đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 4,40%.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA): 0,86% đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 0,81%.

b) Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

- Tình hình đầu tư Dự án: Báo cáo giám sát theo các nội dung sau:

*** Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt của TKV.**

Theo kế hoạch ĐTXD năm 2017 (điều chỉnh) được TKV thông qua tại văn bản số 5092/TKV-ĐT ngày 03/10/2017, Công ty thực hiện:

- Chuyển tiếp 03 dự án gồm: (i) Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương-Công ty than Mông Dương (Điều chỉnh); (ii) Dự án Xây dựng nhà ở công nhân; (iii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016;

- Khởi công mới mới 03 dự án gồm: (i) Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương; (ii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2017; (iii) Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư hệ thống rửa mũi cho công nhân hầm lò.

- Chuẩn bị 02 dự án gồm:(i) Dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương; (ii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2017.

*** Tình hình thực hiện cụ thể các dự án như sau:**

1. Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh):

Dự án còn 02 hạng mục: Nhà ĐHSX công trường số 2; Hệ thống cấp nước trong lò (cấp nước cứu hoả). Trong quý IV/2017 Bộ tài nguyên và môi trường đã phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường điều chỉnh và phương án phục hồi cải tạo môi trường. Tháng 12 Công ty đã phát hành hồ sơ mời thầu của 02 hạng mục còn lại để lựa chọn nhà thầu dự kiến sẽ thi công hoàn thành trong năm 2018.

2. Dự án Xây dựng nhà ở công nhân:

Trong năm 2017 Công ty xây dựng hoàn thành lô nhà C2 và công trình phụ trợ ngoài nhà, đến tháng 6/2017 đã bố trí cho công nhân vào ở. Qua kết quả khảo sát thực tế nhu cầu về nhà ở của công nhân được Công ty thực hiện trong tháng 7/2017, nhu cầu về nhà ở giảm nhiều, với số lượng căn hộ còn trống hiện nay tại lô nhà C2 là đáp ứng đủ cho công nhân không cần xây thêm lô nhà C1, C3. Căn cứ kết quả khảo sát nhu cầu nhà ở ngày 31/8/2017 Công ty đã có báo cáo Tập xin chủ trương điều chỉnh dự án và được TKV đồng ý chủ trương điều chỉnh tại văn bản số 05/TKV-ĐT ngày 02/01/2018.

3. Dự án Đầu tư thiết bị DTSX năm 2016:

Trong năm 2017 Công ty thực hiện thanh toán một số thiết bị đã thực hiện trong năm 2016 đồng thời điều chỉnh dự án phục vụ quyết toán dự án hoàn thành. Quí IV năm 2017 Công ty đã phát hành hồ sơ lựa chọn nhà thầu thực hiện kiểm toán dự án.

4. Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương:

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 4324/TKV-ĐT ngày 12/9/2017, trong quý IV/2017 Công ty đã hoàn chỉnh hồ sơ thẩm định và phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-TMD ngày 03/10/2017 đồng thời tổ chức đấu thầu lựa chọn được

nhà thầu 05 gói thầu: Cung cấp máy phát điện dự phòng; Cung cấp khởi động mềm phòng nổ; Quản lý dự án; Giám sát thi công; Lập thiết kế bản vẽ thi công dự toán...

5.Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2017:

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 3444/TKV-ĐT ngày 21/7/2017, Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1543/QĐ-TMD ngày 27/7/2017 với tổng mức đầu tư là 66.955 Tr.đồng. Quý IV/2017 công ty đã thực hiện xong các gói thầu mua thiết bị để đưa vào phục vụ cho sản xuất bao gồm: Khoan AA-1; Giá chống phân thể ZH/1600; Băng tải B 650; Thùng cũi; Goòng 3 tấn. Giá trị thực hiện dự án đạt 40.313 triệu đồng.

6. Dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương:

Trong năm 2017 đơn vị tư vấn đã thực hiện lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án, Hiện nay Công ty đang thẩm định để hoàn thiện sau đó sẽ phê duyệt để thực hiện.

7. BCKTKT đầu tư hệ thống rửa mũi cho công nhân hầm lò

Năm 2017 Công ty đã thực hiên lập xong hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hiện tại hồ sơ đang được công ty thẩm định để trình duyệt và sẽ thực hiện đầu tư trong quý I/2018..

8. Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2018.

Trong tháng 12/2017 Công ty đã lựa chọn được nhà thầu lập dự án dự kiến sẽ trình Tập đoàn trong tháng 01/2018.

Tổng giá trị thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2017 đạt **87.541/111.112** Triệu đồng. Kết quả thực hiện đầu tư kế hoạch đầu tư và xây dựng cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch ĐT&XD 2017 điều chỉnh	Thực hiện năm 2017	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**111.112**	**87.541**	
A	Cơ cấu vốn đầu tư	111.112	87.541	
I	Trả nợ nguồn năm trước	-	-	
II	Kế hoạch năm 2017	111.112	87.541	
1	Xây lắp	5.683	5.395	
2	Thiết bị	96.443	75.374	
3	QL, TV, GPMB, khác	8.986	6.772	
B	Nguồn vốn đầu tư	111.112	87.541	
I	Trả nợ nguồn năm trước	-	-	
II	Kế hoạch năm 2017	111.112	87.541	
1	Vay TM trong nước	94.190	74.410	
2	Khấu hao TSCĐ	16.922	13.131	

*** Công tác bảo vệ môi trường thường xuyên:**

Công tác môi trường thường xuyên bao gồm các công việc như: Quan trắc môi trường định kỳ; thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế; thu gom rác thải sinh

hoạt; chất thải thông thường. Nước thải hầm lò được bơm về trạm xử lý tại 02 khu vực Trung tâm và Đông Bắc xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Giá trị thực hiện năm 2017 đạt 18.682. triệu đồng/ 20.050 triệu đồng.

*** Công tác bảo vệ môi trường tập trung:**

Công tác môi trường tập trung Công ty thực hiện hoàn thành dự án cải tạo suối +9,8 và đã báo cáo Tập đoàn kết quả thực hiện trong tháng 12/2017. Giá trị thực hiện năm 2017 đạt 1.378 triệu đồng/ 1.931 triệu đồng.

*** Công tác sửa chữa lớn TSCĐ, trích KH và thanh lý TSCĐ**:

- Công tác SCL TSCĐ: Năm 2017 Công ty đã thực hiện sửa chữa lớn thiết bị là 27.070,7 triệu đồng/31.205 triệu đồng đạt 86,8% KH năm (Theo Công văn số 6035/TKV-KH ngày 18/12/2017 là 31.205triệu đồng).

- Tình hình trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Thông tư 45/TT/2013-BTC ngày 25/4/2013.

- Tình hình thanh lý theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn: Trong năm 2017 Công ty có nhượng bán tài sản, thanh lý tài sản tổng giá trị là: 15.718 triệu đồng.

*** Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:**

Đến 31/12/2017 Công ty đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp 21,799 tỷ đồng vào Công ty CP nhiệt điện Cẩm phả. Đến nay khoản đầu tư này còn chưa hiệu quả. Để tránh rủi ro công ty đã trích dự phòng tổn thất tài sản như sau.

"Dự phòng tổn thất tài sản" TK 229.

Số dư Nợ đầu kỳ (01/01/2017)	12.731.858.970	Đồng
Phát sinh Nợ trong kỳ:	9.373.570.000	Đồng
Phát sinh Có trong kỳ:	6.015.281.000	Đồng
Số dư Nợ cuối kỳ (31/12/2017)	9.373.570.000	Đồng

Số tiền trên là khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả. Công ty đã mở sổ chi tiết theo dõi và hạch toán theo chế độ qui định.

Theo quy định của TKV Công ty phải tổ chức thoái số vốn đã đầu tư vào Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả. Đến thời điểm hiện tại Công ty đã tiến hành niêm yết, giao bán toàn bộ số cổ phiếu của Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả trên sàn giao dịch chứng khoán nhưng chưa có nhà đầu tư nào mua cổ phiếu.

* Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Công ty báo cáo giám sát theo các nội dung sau:

Đến thời điểm 31/12/2017 Công ty có số dư vay như sau:

Số dư Có đầu kỳ (01/01/2017)	773.402.794.683	Đồng
Phát sinh Nợ trong kỳ:	467.953.686.820	Đồng
Phát sinh Có trong kỳ:	522.699.322.345	Đồng
Số dư Có cuối kỳ (31/12/2017)	828.148.430.208	Đồng

Số dư tại thời điểm 31/12/2017: 828.148,4 triệu đồng.

Trong đó - Vay ngắn hạn: 148.456,1 triệu đồng; Vay dài hạn: 679.692,3 triệu đồng.

Hợp đồng vay vốn, khế ước vay và hồ sơ, lãi suất vay vốn Công ty thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước và của TKV.

Công ty thực hiện việc trả gốc vay trung dài hạn, lãi vay đúng kỳ hạn và theo quy định, không có nợ quá hạn trả.

+ Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại từ việc sử dụng vốn đã huy động. Công ty đã sử dụng đúng mục đích vay để phục vụ SXKD.

- Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả báo cáo giám sát theo các nội dung sau:

+ Việc ban hành Quy chế quản lý nợ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo Quy chế.

Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ số 2437/QĐ-TMD ngày 20/11/2014.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo.

Tổng số nợ phải thu: 335.286,6 triệu đồng. Trong đó phải thu ngắn hạn là 315.126,34 triệu đồng, phải thu dài hạn 20.160,7 triệu đồng. Công ty không có nợ phải thu khó đòi.

Đến thời điểm 31/12/2017 số nợ phải thu của Công ty tuyển than Cửa Ông là 250.866,2 triệu đồng (KHĐM 88.000 triệu đồng), Công ty Kho vận và cảng Cẩm phả 8.503,4 triệu đồng (KHĐM 16.000 triệu đồng).

Trong năm 2017 Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ viết hóa đơn bán hàng kịp thời, đối chiếu công nợ hàng tháng. Đối với khoản phải thu tiền bán than: Công ty cần phối hợp cùng Công ty Tuyển than Cửa Ông, Công ty Kho vận đối chiếu, thanh toán theo định kỳ theo kế hoạch định mức của TKV để giảm số dư công nợ phải thu, đồng thời giảm số dư nợ công nợ phải trả. Đối với các khoản phải thu ngoài sản phẩm than Công ty sớm có biện pháp đôn đốc các phòng chức năng có trách nhiệm thu hồi công nợ sớm nhất để ổn định dòng tiền phục vụ cho SXKD.

Riêng khoản công nợ khu đất tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác than của Công ty CP than Mông Dương với UBND thành phố Cẩm Phả, Công ty đã tiến hành đối chiếu công nợ đầy đủ và đang làm các thủ tục để thanh, quyết toán.

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo

Tổng số nợ phải trả: 1.084.653,9 triệu đồng, trong đó: Nợ ngắn hạn 535.425,8 triệu đồng, nợ dài hạn 549.228,2 triệu đồng.

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn , tích cực thu hồi công nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay dài hạn.

Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn, cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay .

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời: Tại thời điểm 31/12/2017 hệ số này là 0,69 lần lớn hơn 0,18 lần so với định mức được tập đoàn giao theo CV số 1659/TKV – KTTC ngày 13/4/2017 (quy định 0,51 lần).

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: tại thời điểm 31/12/2017 hệ số này là 4,73 lần thấp hơn 0,99 lần theo quy định của Tập đoàn tại CV số 1659/TKV – KTTC ngày 13/4/2017 (quy định 5,72 lần).

c) Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính: báo cáo theo các nội dung sau:

- Về các chỉ tiêu tài chính: Doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm trong kỳ, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, thu nhập và chi phí khác, kết quả kinh doanh đã có số liệu trong biểu phụ luc số 1 kèm theo, nguyên nhân ảnh hưởng đã phân tích ở mục 1 phần I bên trên.

d) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2017: Công ty đã nộp Ngân sách Nhà nước 463.065,4triệu đồng. Cụ thể như sau:

Các khoản phải nộp	Số dư đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư cuối kỳ
I. Thuế	**30.054,8**	**309.456,8**	**332.027,7**	**7.483,9**
1. Thuế GTGT	*5.375,9*	*144.309*	*147.956,5*	*1.849,4*
2. Thuế TNDN	*4.924,0*	*7.998,2*	*7.242,8*	*5.679,4*
3. Thuế thu nhập cá nhân	*-1.312,3*	*2.611,8*	*2.159.8*	*-860,3*
4. Thuế tài nguyên	*21.064,8*	*149.136,9*	*169.388,9*	*812,8*
5. Thuế nhà đất và tiền thuê đất		*5.247,6*	*5.247,6*	-
6. Thuế bảo về môi trường	*2,4*	*23,3*	*23,1*	*2,6*
7. Thuế khác		*9,0*	*9,0*	-
II. Các khoản phí và lệ phí	**1.491,8**	**129.362,9**	**131.037,8**	**-183**
1. Tiền cấp quyền khai thác		*116.682,5*	*116.682,5*	-
2. Phí sử dụng tài liệu địa chất				-
3. Phí môi trường	*1.491,8*	*12.680,4*	*14.355,2*	*-183*
Tổng cộng	**31.546,7**	**438.819,7**	**463.065,4**	**7.301,0**

e) *Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ*. Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo quy định.

f) *Tình hình quản lý, sử dụng vốn tài sản liên quan đến quản lý tài nguyên, khoáng sản:*

Trong năm 2017: Công ty đã triển khai lập các phương án kỹ thuật, thi công theo kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2017 có sử dụng các nguồn vốn thăm dò, khảo sát đã được TKV phê duyệt tại quyết định số 605/QĐ-TKV ngày 31/3/2017 của Hội đồng thành viên TKV về việc phê duyệt kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2017 Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam; Trong đó:

+ TDKT năm 2017: Khối lượng kế hoạch là 7.290 m tương ứng với 28.130 triệu đồng.

- Khối lượng đã thi công: 5.617,6m/10 LK, tương ứng giá trị là 22.371.675.137 đồng.

- Phương án khoan thăm dò trong lò năm 2017 phục vụ khai thác Công ty CP Than Mông Dương – Vinacomin: Đã có Quyết định phê duyệt (chưa thi công) và Công ty đã báo cáo TKV chuyển khối lượng giá trị sang thực hiện trong năm 2018.

+ TDBS mỏ Mông Dương được phê duyệt tại quyết định số 1348/QĐ-TKV ngày 08/7/2015 V/v Phê duyệt Đề án TDBS khu trung tâm mỏ than Mông Dương, Cẩm Phả, Quảng Ninh. Khối lượng: 15.400m; Dự toán: 72.529.381.608 đồng.

- Năm 2017 theo Quyết định số: 640/QĐ-TKV ngày 11/4/2017 của Hội đồng thành viên TKV V/v Phê duyệt kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2017- Chi phí tập trung TKV. Khối lượng thăm dò và Lập Đề án được phê duyệt là 1.055m; Tương ứng giá trị là: 6.119.000.000 đồng. Trong đó:

- Khối lượng mét khoan năm 2016 chuyển sang năm 2017 là: 1.055m

- Khối lượng mét khoan thực hiện được: 1.032,2m tương ứng giá trị là: 6.876.489.643 đồng.

+ TDBS mỏ Đông Bắc Mông Dương được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép thăm dò tại quyết định số 2053/QĐ-BTNMT ngày 13/8/2015 cho TKV với Khối lượng: 32.792m/110LK; Trong đó: Khối lượng chưa thi công là: 15.010m/56LK. Theo đó, TKV phê duyệt quyết định số: 2645/QĐ-TKV ngày 22/12/2015 về việc: Phê duyệt Tổng dự toán Đề án thăm dò mỏ than Đông Bắc Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cho Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin làm chủ đầu tư với khối lượng 32.772,9 m khoan; tương ứng với giá trị: 114.778.089.623 đồng (Khối lượng chưa thi công là: 15.010m/56LK).

- Năm 2017 kế hoạch thăm dò bổ sung khu ĐBMD được phê duyệt tại Quyết định số: 640/QĐ-TKV ngày 11/4/2017 của Hội đồng thành viên TKV V/v Phê duyệt kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2017- Chi phí tập trung TKV. Khối lượng thăm dò và Lập Đề án được phê duyệt là 13.205m; tương ứng giá trị là: 63.384.000.000 đồng. Trong đó:

- Khối lượng thực năm 2016 chuyển sang năm 2017 là: 2.951,6 m tương ứng với giát rị: 10.583.153.291 đồng.

- Khối lượng thực hiện năm 2017 là: 3.705,5m; tương ứng giá trị là: 10.798.523.179 đồng.

+ Khảo sát địa chất năm 2017: Lập bản đồ cơ lý đá khu vực lộ thiên năm 2017 với diện tích 35 ha; tương ứng giá trị 700 triệu đồng. Công ty đã ra Quyết định

phê duyệt (do diện sản xuất chưa có nên chưa thực hiện được và Công ty đã báo cáo TKV chuyển khối lượng, giá trị sang thực hiện trong năm 2018).

Trong đó lập bản đồ cơ lý đá khu vực lộ thiên khu Cánh Tây với 25 ha tương ứng 500 triệu đồng chuyển từ năm 2016 sang.

+ Đo vẽ bản đồ địa chất, địa chất thủy văn tỷ lệ 1/5000 khu Đông Bắc Mông Dương đã hoàn thiện xong và được TKV phê duyệt báo cáo tướng ứng với giá trị: 539.757.182 đồng.

+ Phương án Quan trắc, đánh giá điều kiện địa chất thủy văn mỏ ảnh hưởng đến khai thác than hầm lò mỏ than Mông Dương - Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin: Đã thực hiện xong và được Tập đoàn phê duyệt báo cáo tương ứng với giá trị: 1.868.316.120 đồng.

+ Lập báo cáo TDBS mỏ Mông Dương (Khu Trung Tâm Mông Dương) đã hoàn thiện báo cáo tương ứng với giá trị đợt 1: 1.863.788.267 đồng.

+ Khảo sát trắc địa năm 2017:

- Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1000 khu Trung tâm Mông Dương với diện tích 180ha; Quan trắc dịch động địa hình khu vực lò chợ vỉa H(10), G(9), II(11) Cánh Đông 04 tuyến; Quan trắc dịch động địa hình khu vực cửa lò, trạm quạt +15, +30 và mặt bằng sân công nghiệp +10 BMD với khối lượng 06 tuyến đã thực hiện xong và được TKV phê duyệt báo cáo tương ứng với giá trị:1.546.650.138 đồng.

*** Về tình hình hoạt động khoáng sản:**

+ Tuân thủ các quy định của Luật khoáng sản. Trong đó:

- Giấy phép khai thác số 2683/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 đã được Bộ Tài Nguyên gia hạn.

3. Về công tác quản lý lao động, thu nhập, tiền lương của CNVC.

*** Quản lý lao động.**

- Lao động có mặt tại 01/01/2017	3.722	Người
- Lao động tăng trong kỳ	183	Người

Trong đó: Học sinh ra trường 105 người; Tuyển mới 35 người; Tiếp nhận từ các đơn vị trong TKV 27 người; tiếp nhận lại 16 người.

- Lao động giảm trong kỳ:	473	Người

Trong đó: Nghỉ hưu:62 người, Sa thải, đơn phương chấm dứt HĐLĐ 268 người, chấm dứt HĐLĐ 111 người;ốm chết, TNRR 03 người; TNLĐ 02 người, Đi đơn vị ngoài 01 người, đi làm nghĩa vụ quân sự 04 người, trường hợp khác 22 người.

- Lao động có mặt tại 31/12/2017	3.432	Người
Trong đó: + Lao động hợp đồng KXĐTH	*2.946*	*Người*
+ Lao đồng hợp đồng từ 1- 3 năm	*486*	*Người*
- Lao động bình quân theo định mức năm 2017.	3.486	Người

*** Quản lý tiền lương và thu nhập.**

- Tổng quỹ tiền lương trong kỳ	418.664	Tr.đồng

- Quỹ tiền lương trích theo đơn giá	418.664	Tr.đồng
- Quỹ lương hạch toán vào giá thành	418.664	Tr.đồng
Trong đó: + Quỹ tiền lương sản xuất than	*416.458*	*Tr.đồng*
+ Quỹ lương VCQL	*2.206*	*Tr.đồng*
+ Quỹ tiền lương sản xuất khác		*Tr.đồng*

- Quỹ lương dự phòng năm 2016 chuyển sang năm 2017 là 26.974 triệu đồng. Trong năm 2017 Công ty đã sử dụng hết để chi các khoản lương, khuyến khích.

- Dư quỹ lương thời điểm 31/12/2017 là: 52.103.122.701 đồng. Đây là khoản chưa chi trả tiền lương tháng 12/2017 và các khoản tiền tết ...

- Thu nhập Công ty năm 2017:

+ Quỹ lương kế hoạch theo công văn số 6026/TKV-KH ngày 22/12/2016 là: 2.243 triệu đồng, bình quân 23,36 triệu đồng/người/tháng.

+ Thu nhập thực tế năm đến hết 31/12/2017 của VCQL Công ty đang tạm tính là 1.940 triệu đồng, bình quân là 20.200.000 đồng/người/tháng, bằng 86,2% thu nhập bình quân kế hoạch (đã bao gồm các khoản phụ cấp...). Số còn lại 304 triệu Công ty sẽ quyết toán nốt trong năm 2018.

- Thu nhập bình quân năm 2017 toàn Công ty là 10.008.000 đồng/người/tháng, bằng 92,7% thu nhập KH năm 2017.

- Công tác quản lý lao động năm 2017: số công nhân chấm dứt hợp đồng lao động cao hơn so với số được tuyển dụng (tổng số CN đơn phương chấm dứt hợp đồng LĐ là 267 người, số xin chấm dứt hợp đồng, thôi việc 111 người tổng số giảm trong kỳ là 473 người, chiếm 9,8% so với lao động đầu năm); lao động tăng trong kỳ là 183 người bằng 4,05% lao động đầu kỳ.

4. Công tác sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị phòng ban để đáp ứng yêu cầu SXKD trong năm 2017:

4.1. Tổ chức sản xuất:

a. Cơ cấu tổ chức:

1.1. Tổng số lao động: 3.432 người.

1.2. Hội đồng quản trị: Gồm 05 thành viên, trong đó 03 thành viên tham gia ban quản lý điều hành, 01 thành viên người nước ngoài và 01 thành viên là người của TKV cử làm đại diện, giữ chức Chủ tịch.

1.3. Ban kiểm soát: Gồm 03 người, trong đó 01 người do TKV cử giữ chức Trưởng ban.

1.4. Ban lãnh đạo điều hành Công ty, gồm 07 người: 01 Giám đốc, 05 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

1.5. Phòng ban tham mưu: gồm 15 phòng và 01 trạm Y tế.

1.6. Các phân xưởng: gồm 25 phân xưởng (05 Phân xưởng Đào lò, 09 Phân xưởng Khai thác hầm lò, 01 Phân xưởng Khai thác Lộ thiên, 10 phân xưởng phục vụ phụ trợ).

b. Công tác sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị phòng ban để đáp ứng yêu cầu SXKD trong năm 2017:

Thực hiện Chỉ thị số 102/CTLT/TGĐ-CĐTKV, ngày 25/5/2017 giữa Tổng Giám đốc với Công đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam về việc tiếp tục thực hiện tái cơ cấu lực lượng lao động năm 2017. Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được của năm 2016, trong năm 2017 Công ty triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất từ các phòng ban, phân xưởng, tổ đội SX như:

(i) Giải thể Đội thống kê và cơ cấu lại tổ chức SX của Phòng KT, Phòng KCS và CT LT.

(ii) Giải tán Ban quản lý nhà ở công nhân trực thuộc phòng ĐTMT và điều chuyển nhiệm vụ quản lý khu nhà ở về VP quản lý (tiết giảm 01 Phó Ban và 01 Nhân viên).

(iii) Cơ cấu lại tổ chức P ĐTM, điều chuyển nhiệm vụ đền bù, giải phóng mặt bằng về phòng TĐ theo đúng Mô hình mẫu của Tập đoàn (tiết giảm 02 Nhân viên).

(iv) Cơ cấu lại tổ chức phòng TĐ (tiết giảm 01 Phó phòng phụ trách Trắc địa)

(v) Cơ cấu lại tổ chức phòng KCS và phòng Vật tư bố trí lại lao động phù hợp giảm lao động quản lý (Phòng KCS bố trí lại công việc 05 nhân viên làm công nhân giao nhận than; Phòng VT bố trí lại công việc 05 nhân viên, 01 Đội phó làm công nhân tiếp liệu).

(vi) Cơ cấu lại tổ chức SX của PX CBT từ mô hình 05 Phó Quản đốc giảm xuống còn 04 Phó quản đốc.

(vii) Giải tán PX Xây dựng mặt bằng, cơ cấu lại tổ chức SX của PX PVSX, PX CK, PX NL (tiết giảm 01 Quản đốc).

Cùng với việc cơ cấu lại tổ chức của các phòng, PX, phòng TCLĐ cũng chủ trì sửa đổi bổ sung các chức năng nhiệm vụ của các phòng, phân xưởng phù hợp với mô hình mới.

Đến hết năm 2017 cơ cấu tổ chức của Công ty đã sắp xếp đúng theo mô hình mẫu của Tập đoàn (15 phòng, 25 PX và 01 Trạm Y tế). Các phòng ban, PX đã được sắp xếp khoa học và tối ưu hơn trước, nhiệm vụ được phân định rõ ràng không bị chồng chéo giúp các phòng chủ động và phát huy được năng lực quản lý điều hành.

- Xây dựng Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 đang trình TKV phê duyệt.

4.2. Công tác cán bộ:

Thực hiện theo Quy chế quản lý cán bộ của Tập đoàn ban hành kèm theo QĐ số 1936/QĐ-TKV, ngày 03/9/2014 và Quy chế quản lý cán bộ của Công ty số 1091/QĐ-TMD, ngày 04/6/2014 và các quy định của Pháp luật.

a. Điều động, bổ nhiệm:

TT	Chức danh	Bổ nhiệm	Bổ nhiệm lại	Điều động, Luân chuyển	Ghi chú
	Tổng	**13**	**8**	**10**	
1	Chủ tịch HĐQT	1	0	0	
2	Giám đốc	1	0	0	
3	Phó Giám đốc	0	3	0	
4	Trưởng phòng, Quản đốc	2	0	2	
5	Phó phòng, Phó quản đốc	9	5	8	

b. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ:

Trên cơ sở quy hoạch cán bộ được duyệt và yêu cầu trình độ đối với cán bộ đương nhiệm, Công ty đã lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ tại chỗ bằng các hình thức: cử đi đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị: Giám đốc dự bị doanh nghiệp, đào tạo trình độ lý luận chính trị, Các lớp huấn luyện công tác an toàn VSLĐ theo từng đối tượng, bồi dưỡng nghiệp vụ Đầu tư xây dựng, Lớp bồi dưỡng kiến thức Thanh tra, Kiểm toán nội bộ, Đấu thầu, Quản trị rủi ro trong kinh doanh … Cán bộ của Cơ quan của Công ty luôn tham gia đầy đủ và tiếp thu kiến thức tốt áp dụng hiệu quả vào công việc. Mặt khác, tổ chức điều động, luân chuyển một số cán bộ diện quy hoạch để cán bộ có điều kiện nắm bắt được một cách toàn diện công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

c. Việc thực hiện đánh giá nhận xét cán bộ:

- *Đánh gía định kỳ:* Hàng năm Công ty tổ chức đánh giá nhận xét cán bộ theo hướng dẫn của Tập đoàn vào dịp cuối năm với tổng số 100% được đánh giá nhận xét.

- *Đánh giá thường xuyên:* Hàng tuần, tháng, trên cơ sơ kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng đơn vị, phòng ban và từng cán bộ, Công ty chấm điểm đánh giá tập thể các đơn vị, CBCNV theo quy định đánh giá hoàn thành nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 1824/QĐ-TMD, ngày 01/9/2017.

5. Công tác đào tạo nhân lực.

Trong năm 2017 cũng như các năm tiếp theo. Để hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh đòi hỏi Công ty phải có một đội ngũ lao động lành nghề. Do đó công tác chuẩn bị nguồn nhân lực và đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ lao động được Công ty hết sức quan tâm.

- Tuyển học sinh khai thác hầm lò, cơ điện lò gửi đi đào tạo theo Quy chế 2441 của TKV: Công ty đã áp dụng nhiều hình thức như thông qua CBCNV trong

Công ty, thường xuyên phối hợp với trường Cao đẳng nghề Than – Khoáng sản để tuyển sinh nhưng chưa đạt được yêu cầu kế hoạch đề ra (Năm 2017 tuyển được 165/250 HS).

- Huấn luyện AT theo nghị định 44 của Chính phủ: Thực hiện Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động trong năm 2017 phòng đã phối hợp với Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản, Trung tâm huấn luyện ATLĐ tỉnh Quảng Ninh và Trung tâm Kiểm định AT 1 huấn luyện cho 947 lao động (674 lao động nhóm 3; 255 lao động nhóm 6 và 18 lao động nhóm 5) đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Đánh giá kỹ năng nghề: Thực hiện Điều 31 và Điều 35 Luật việc làm; Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trong năm 2017 phòng đã phối hợp với Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản tổ chức đánh giá kỹ năng nghề cho 553 công nhân nghề khai thác, đào lò và Cơ điện mỏ hầm lò.

- Trong năm 2017 tổ chức huấn luyện chuyển giao công nghệ mới cho 562 CBCNV, bồi dưỡng cán bộ CHSX 99 người; huấn luyện kiêm nghề, thêm nghề cho 116 người và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 299 người; huấn luyện công nhân mới tuyển 181 người.

- Tổ chức tham gia các Hội thi của Tập đoàn: Chủ trì tổ chức hội thi thợ giỏi cấp Tập đoàn đạt giải khuyến khích toàn Tập đoàn; Phối hợp với phòng AT, TGM tổ chức thi cấp cứu mỏ bán chuyên đạt giải nhất toàn Tập đoàn; Phối hợp với phòng AT, Công đoàn Công ty tổ chức thi ATVSV đạt giải khuyến khích toàn Tập đoàn.

6. Thực hiện các chế độ khác đối với người lao động.

- Công ty duy trì tốt chế độ ăn định lượng, ăn giữa ca, bồi dưỡng giữa ca cho CBCNV theo quy định của Tập đoàn, của nhà nước và tổ chức phục vụ theo hình thức ăn tự chọn đảm bảo đủ chất, lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Duy trì phục vụ tắm nước nóng, giặt sấy quần áo, ủng BHLĐ cho lao động làm việc dưới hầm lò.

- Thường xuyên tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao, vui chơi giải trí như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis và các hoạt động văn hóa văn nghệ khác.

- Khám chữa bệnh tại cơ sở: Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh, cấp phát thuốc và điều trị nội trú, ngoại trú cho CBCNV trong Công ty theo đúng luật BHYT quy định.

- Thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ đối với người lao động như: nghỉ hưu, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, tham quan nghỉ mát....

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức gặp mặt người lao động. Các ý kiến kiến nghị của người lao động điều được triển khai thực hiện và tổng hợp kết quả báo cáo người lao động bằng văn bản.

7. Công tác quản lý định mức lao động và an toàn BHLĐ.

+ Công tác an toàn chung:

- Đã tổ chức và triển khai đồng bộ kế hoạch PCMB, AT-VSLĐ, TTSC theo quy định.

- Đã tổ chức tổng kết kiểm điểm sơ kết ATVSLĐ năm 2017 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

- Đầu tư, trang bị lắp đặt dây truyền rửa mũi cho lao động hầm lò (Đang triển khai dự kiến Quý I năm 2018 hoàn thiện).

- Sửa đổi, bổ sung hệ thống các quy trình, quy định các công việc mỏ để cho phù hợp với Luật an toàn và điều kiện thực tế của Công ty.

Đã tổ chức cho đội CCM BC Công ty tập luyện và tham gia Hội thao CCM Cấp TKV năm 2017 theo phương án số 101/PA-TTCCM.

- Đã kiểm tra chấm điểm về thực hiện công tác AT VSLĐ tại Công ty than Hòn Gai & than Núi Béo theo QĐ số 231 của TKV (trong tháng 10-2017). Lập và tổ chức kiểm tra chấm điểm về thực hiện công tác AT VSLĐ tại các phân xưởng trong Công ty (Trong tháng 12-2017).

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hiện trường sản xuất nhằm phát hiện và triệt tiêu sớm các nguy cơ, tồn tại đảm bảo an toàn trong sản xuất (đặc biệt chú trọng đến các CT.KT, ĐL, các nguy cơ về khí, bục nước, trục tải lò nghiêng).

+ Tình hình tai nạn lao động năm 2017:

Tổng số	Số vụ TNLĐ			Kết quả giải quyết các vụ TNLĐ
	Nhẹ	Nặng	Chết	
38	8	28	02	- Đối với các vụ TNLĐ nặng nhẹ theo thẩm quyền cấp cơ sở: Công ty đã điều tra, kết luận theo đúng quy định; - Đối với vụ TNLĐ chết người KT4; ĐL2: Công ty đã phối hợp với Đoàn điều tra TNLĐ tỉnh Quảng Ninh, Tập đoàn CN Than KS Việt Nam tổ chức điều tra, kết luận điều tra đúng quy định.

Sự cố lớn: Không để xảy ra.

+ Kết quả thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ:

Năm 2017, Công ty đã thực hiện 188/211 mục việc, với tổng giá trị là: 31, 8/30,6 tỷ đồng bằng 103,9% KH, trong đó: Nội dung - Chăm sóc sức khoẻ người lao động; thực hiện 11/11 mục việc, giá trị là 14.613,5/5.653 tỷ, đạt 258,8% KH năm; điều này cho thấy Công ty rất quan tâm, chăm lo đời sống sức khỏe CBCN.

8. Quản lý vật tư:

**** Quản lý hàng tồn kho:***

Số dư Nợ đầu kỳ (01/01/2017)	11.547,8	triệu đồng
Số nhập trong kỳ:	291.632,2	triệu đồng
Số xuất trong kỳ:	292.392	triệu đồng

Trong đó: xuất cho sản xuất	*244.849*	*triệu đồng*
Số dư Nợ cuối kỳ (31/12/2017)	10.787,8	triệu đồng

Giá trị vật tư, phụ tùng tồn kho cuối kỳ 31/12/2017 của đơn vị là: 10.787,8 triệu đồng tương ứng 3,68% thấp hơn tỷ lệ tồn kho của TKV quy định (6%). Các thủ tục nhập, xuất vật tư Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

**** Công tác mua bán, quản lý, sử dụng vật tư.***

Công ty đã ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư *(Quyết định số 2418/QĐ-TMD ngày 15/11/2017 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản lý vật tư).*

Việc mua sắm vật tư hàng hóa đối với các loại vật tư trong ngành, Công ty thực hiện đúng văn bản số 1919/TKV-VTM-CV+KH ngày 26/4/2017 của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Từ đầu tháng 01/2017 đến nay việc mua sắm vật tư vật tư của Công ty thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Tập đoàn số 6161/TKV-VTM ngày 16/12/2015 và Quy chế quản lý vật tư của Tập đoàn TKV ban hành theo Quyết định số 1010/QĐ-TKV ngày 10/6/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn TKV và Nội dung sửa đổi bổ sung một số nội dung của quy chế vật tư số 1372/QĐ-TMD ban hành theo quyết định số 118/QĐ-TMD ngày 22/01/2016 của Hội đồng quản trị Công ty và Quy định chi tiết thực hiện công tác mua sắm vật tư ban hành theo - Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty ban hành theo Quyết định số 2418/QĐ-TMD ngày 15/11/2017 của Hội đồng quản trị Công ty (quyết định này thay thế cho Quyết định số 1372/QĐ-TMD ngày 06/7/2015 và Quyết định số 176/QĐ-TMD ngày 29/01/2016) của Giám đốc Công ty.

9. Công tác thuê ngoài:

- Công tác thuê thầu khai thác khu vực Cánh Tây: Khu vực giao thầu Cánh Tây: Hoàn thiện các thủ tục GPMB và thuê đất tới thời điểm 31/12/2017 Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin đã được UBND tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 3835/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017 cho Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin thuê đất khai thác khu vực lộ vỉa Cánh Tây và đã bàn giao mặt bằng cho bên B để thi công. Đến hết tháng 12/2017 Công ty TNHH MTV 86 thi công xúc bốc được 164.354 m^3 đất. Than nguyên khai được 532 tấn (Năm 2018 triển khai thi công tiếp theo KH và hợp đồng ký kết).

- Thuê đào lò năm 2017: Công ty đã ký kết hợp với Công ty xây dựng hầm lò 1 - Vinacomin. Đến hết tháng 12 Công ty xây dựng hầm lò 1 - Vinacomin đang triển khai thi công đào dự kiến được: 20 mét (Năm 2018 triển khai thi công tiếp theo KH và hợp đồng ký kết).

10. Các nhận xét và Kiến nghị:

Kiến nghị:

1. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD không đạt theo tỷ lệ % kế hoạch giao (91,2% KH điều chỉnh). Công ty cần xem xét tổ chức sản xuất để điều hành hoàn thành kế hoạch phối hợp SXKD với TKV những năm tiếp theo.

2. Công ty cần lưu ý tổ chức triển khai thực hiện công tác sửa chữa lớn các năm sau; tăng cường công tác ĐT XDCB đặc biệt hoàn thiện các hạng mục của dự án GĐII để quyết toán dự án.

3. Công ty cần triển khai thực hiện kịp thời công tác thuê thầu khai thác khu vực Cánh Tây, thuê đào lò tiếp theo năm 2018.

Kết luận:

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã phản ánh đúng kết quả SXKD của Công ty.

Theo đánh giá của Ban kiểm soát Công ty tình hình tài chính của Công ty là: An toàn nhưng còn có dấu hiệu phải lưu ý.

Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp: Xếp loại B.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo ĐHĐCĐ.

Nơi nhận:
- Ban KS TKV;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Các phòng cty;
- Lưu VT, BKS.

T/M BAN KIỂM SOÁT

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ T. QUẢNG NINH

Nguyễn Thế Hanh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN NVIỆNAM **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 773/TTr-MDC	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 9 năm 2018*

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi Điều lệ Tổ chức hoạt động và Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ:

(i) Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

(ii) Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

(iii) Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NQĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

(iv) Công văn số 1303/TKV-TCNS ngày 22/03/2018 của Tập đoàn về việc: Ban hành điều lệ mẫu Công ty cổ phần áp dụng cho các Công ty con trong TKV;

(v) Căn cứ Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua vào ngày 26 tháng 04 năm 2017 và điều kiện SXKD của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty dự thảo sửa đổi Điều lệ Tổ chức hoạt động và Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

1. Về cơ cấu:

1.1. Cơ cấu Điều lệ: Điều lệ dự thảo sửa đổi gồm 13 chương và 59 điều, so với điều lệ cũ được HĐCĐ thông qua ngày 25/4/2017 gồm 13 chương và 55 điều;

1.2. Ban hành mới Cơ cấu Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty: Gồm 12 chương và 52 điều.

2. Về nội dung:

Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty tuân thủ nội dung Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 1303/TKVNS ngày 22/03/2018 của Tập

đoàn; Điều lệ bổ sung thêm các cụm từ, thuật ngữ cho phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty.

(Nội dung bản Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty được gửi kèm theo tài liệu ĐH và được đăng tải trên website Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin ngày 18/3/2018 www.Mongduongcoal.com)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN

Phạm Công Hương

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-MDC ngày 24/04/2018 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Than Mông Dương-Vinacomin)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin (dưới đây gọi là "Công ty") được thành lập theo Luật doanh nghiệp và theo Quyết định số 3673/QĐ-BCN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc chuyển Công ty Than Mông Dương- TKV thành Công ty cổ phần Than Mông Dương - TKV; và Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam về việc đổi tên viết tắt "TKV" sang "Vinacomin".

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua vào ngày 24 tháng 04 năm 2018.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

Chương I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) "Hội đồng" có nghĩa là HĐQT của Công ty được viết tắt là HĐQT;

b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

c) "Vốn điều lệ" có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc do tất cả các cổ đông đóng góp, hoặc đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp;

d) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

e) "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/6/2006; Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;

f) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

g) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

h) "Người quản lý Công ty" có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;

i). "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

j)"Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;

k) "Cổ đông" có nghĩa là mọi tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và phải được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông;

l) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;

m) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

n) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

o) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

a) Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.

b) Tên tiếng Anh: Vinacomin - Mong Duong Coal Joint Stock Company.

c) Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.

d) Tên viết tắt: TMD.

2. Công ty có biểu tượng riêng:

3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 của Điều này, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 5 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng ký do HĐQT quyết định. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không được dừng cuộc họp Đại hội để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết không thay đổi.

3. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập sẽ do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được Chủ tọa thì Trưởng ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ toạ cuộc họp;

c) Chủ toạ đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa;

4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

7. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

8. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của Đại hội");

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

13. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch ngắn hạn và dài hạn);

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Miễn nhiễm, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng số giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Thông quá báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

i) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này) được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ

đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên HĐQT và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, hoặc phải được gửi cho các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu trong trường hợp

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa Đại hội và Thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, hoặc phải được gửi cho các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp trong trường hợp Website của Công ty gặp sự cố"

3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và chữ ký của các cổ đông dự họp, văn bản uỷ quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7, Điều 21 Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này..

Mục 2:
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;

g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ

đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 26. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

3. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên HĐQT:

a) Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT;

b) Cơ cấu HĐQT đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính;

5. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 06 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa;

h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;

k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

6. HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, chia tách, sáp nhập,

hợp nhất, giải thể, chuyển đổi Công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp;

h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm m, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

q) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

r) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc;

s) Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty (nếu có);

t) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty (nếu có);

b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này và điểm n, khoản 2 Điều 15 tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty.

5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải

đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch HĐQT

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT phải lựa chọn và bầu một thành viên HĐQT làm Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm nhiệm chức Giám đốc Công ty theo Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ - CP.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập cuộc họp HĐQT;

c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết HĐQT;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;

đ) Chủ tọa cuộc họp HĐQT, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm dự thảo, chủ trì việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty.

4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của HĐQT

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó, HĐQT phải bầu Chủ tịch HĐQT tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT, đồng thời ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải triệu tập và gửi thông báo mời họp HĐQT định kỳ và bất thường chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, lập chương trình nghị sự, xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;

c) Có đề nghị ít nhất 02 thành viên độc lập HĐQT;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều này phải được Chủ tịch HĐQT tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp.

a) Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu.

a) Cuộc họp của HĐQT theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a Khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự;

9. Biểu quyết.

a) Trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d, Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của

chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 5, Điều 41 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

đ) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận, xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức

theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết, Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh có các nội dung chủ yếu theo Điều 154 Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người được mời họp dự thính.

Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty, Giám đốc điều hành, các Kiểm soát viên, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên HĐQT) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

Điều 31. Các tiểu ban của HĐQT.

1. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban, cụ thể Hội đồng quả trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Các thành viên HĐQT độc lập/thành viên HĐQT không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng;

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT;

3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;

h) Giám sát và báo cáo HĐQT, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của HĐQT;

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 3:
GIÁM ĐỐC CÔNG TY, VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, một số Phó giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ

nhiệm, miễn nhiễm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và các Phó giám đốc Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý Công ty do HĐQT quy định. Cán bộ điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Công ty sẽ do HĐQT quyết định.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm.

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

3. Tiêu chuẩn.

Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 65 Luật Doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền hoặc cần phải có nghị quyết của HĐQT, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài

chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);

đ) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

e) Đề nghị HĐQT quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 05 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp;

5. Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm.

HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định;

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 03 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

8. Uỷ quyền, uỷ nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm đó;

b) Người được uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm.

c) Sự uỷ quyền, uỷ nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn.

Mục 4:
BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải

cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;

e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;

g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty.Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

3. Ban kiểm soát phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiễm, bãi miễn trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.

5. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

7. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành, và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và cổ đông;

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

đ) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

i) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám(48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về

những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban điều hành, quản lý Công ty;

m) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

p) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;

b) Thành viên của HĐQT, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát;

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản, nghị quyết họp HĐQT, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;

d) Báo cáo của Giám đốc Công ty trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c Khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty;

đ) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

4. Cuộc họp của Ban kiểm soát:

a) Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên và các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên;

b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

5. Tiền lương hoặc mức thù lao và chi phí hoạt động cho Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quy định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mục 5:
BẦU HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Bầu HĐQT và Ban kiểm soát

1. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành, và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và cổ đông;

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

đ) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

i) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám(48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban điều hành, quản lý Công ty;

m) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

p) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;

b) Thành viên của HĐQT, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát;

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản, nghị quyết họp HĐQT, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;

d) Báo cáo của Giám đốc Công ty trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c Khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty;

đ) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

4. Cuộc họp của Ban kiểm soát:

a) Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên và các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên;

b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

5. Tiền lương hoặc mức thù lao và chi phí hoạt động cho Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quy định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mục 6:
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin

có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành

nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình;

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương IV:
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện, hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và

những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của HĐQT và Ban kiểm soát, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ, tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Chương V
CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 44. Công nhân viên, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ điều hành Công ty.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Chương VI:
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của HĐQT.

Điều 46. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chỉ trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII:
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó, nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và chế độ kế toán doanh nghiệp và chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương VIII:
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn)

theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp..

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 52. Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 171 của Luật Doanh nghiệp.

Chương IX:
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương X
CON DẤU

Điều 54. Con dấu

1. HĐQT thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. HĐQT, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XI:
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 55. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định;

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc theo quy định).

Điều 56. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d) Các khoản vay (nếu có);

đ) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XII:
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a) Cổ đông với Công ty; hoặc

b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ điều hành khác;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XIII:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần than Mông Dương- Viancomin nhất trí thông qua ngày 24 tháng

4 năm 2018 tại Phường Mông Dương – Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp Phòng công chứng nhà nước địa phương.
- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty;

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị. /.

Hội đồng Quản trị Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ T. QUẢNG NINH

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN

Cẩm Phả, ngày 24 tháng 4 năm 2018

THUẬT NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Thuật ngữ
BGĐ	Ban Giám đốc
ĐHĐCĐ	Đại Hội đồng Cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban kiểm soát
KTĐL	Kiểm toán Độc lập
QCNB	Quy chế Nội bộ
QTCT	Quản trị Công ty
Công ty	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
GĐ	Giám đốc

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ 1
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ 2
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ 2
Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ 2
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ 3
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ 3
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu 3
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu 4
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ 4
Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ 4
Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ 5
Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 5
CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HĐQT 7
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT 7
Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT 8
Điều 15. Các thức bầu thành viên HĐQT 8
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 8
Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 9
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT 9
CHƯƠNG IV: HỌP HĐQT 9
Điều 19. Thông báo họp HĐQT 9
Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT 10
Điều 21. Cách thức biểu quyết 10
Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT 11
Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT 11
Điều 24. Thông báo Biên bản họp HĐQT 11
CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN 12
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên 12
Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí kiểm soát viên 12
Điều 27. Các thức bầu kiểm soát viên 12
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi miễn Kiểm soát viên 13
Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi miễn Kiểm soát viên.13
CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN HĐQT 13
Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT 13
Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của tiểu ban 14
CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY 14

Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành Công ty 14
Điều 33. Giám đốc 14
Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành Công ty khác..... 16
Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty..... 17
Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành Công ty..... 17
Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty 17
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC 17
Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS..... 17
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc..... 18
Điều 40. Tiếp cận thông tin..... 19
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc 19
Điều 42. Phối hợp giữa Giám đốc và HĐQT (bao gồm BKS). 20
CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 20
Điều 43. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty..... 20
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty 21
Điều 45. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty..... 21
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty. 21
Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 21
CHƯƠNG X: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH..... 21
Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng..... 21
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 21
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 23
CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI QUẢN TRỊ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY..... 23
Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty 23
CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC 24
Điều 52. Ngày hiệu lực 24

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số.....NQ-MDC ngày 24/04/2018
của Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Than Mông Dương-Vinacomin)

Chương I:
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. QCNB về QTCT của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được xây dựng căn cứ theo các văn bản pháp luật như sau:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.

2. QCNB về QTCT được ban hành phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp bao gồm ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và Giám đốc.

3. QCNB về QTCT áp dụng cho các đối tượng như sau:

- Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin;
- Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- Thành viên HĐQT, thành viên BKS, người điều hành Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. "Công ty" là Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin;

2. "Quản trị công ty" là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT; BKS;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

3. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;

4. "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo Khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty.

5. "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Giám đốc;

6. "Thành viên HĐQT không điều hành" (sau đây gọi là ***Thành viên không điều hành***) là thành viên HĐQT nhưng không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

7. "Thành viên độc lập HĐQT" (sau đây gọi là ***Thành viên độc lập***) là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp;

8. "Người phụ trách quản trị Công ty" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP;

9. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

10. "Đại hội" là Đại hội đồng cổ đông.

Chương II:
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng theo các quy định của pháp luật và tại Điều lệ Công ty.

2. Trình tự thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất năm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên

trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội về Công ty trước ngày diễn ra Đại hội để Ban tổ chức Đại hội thực hiện công tác chuẩn bị. Giấy xác nhận tham dự Đại hội được lập theo mẫu của Công ty, được đóng dấu treo và được gửi kèm theo Thông báo triệu tập Đại hội.

2. Trước khi khai mạc Đại hội, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

3. Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền đến dự Đại hội phải xuất trình cho Ban tổ chức những giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân, hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân);
- Giấy uỷ quyền dự họp (bản gốc nếu được uỷ quyền).

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Cổ đông tiến hành biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng cách giơ thẻ biểu quyết khi Chủ tọa đại hội đề nghị các cổ đông biểu quyết tán thành, không tán thành hay ý kiến khác.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội thông qua những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không ít hơn 03 (ba) người,

2. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Chủ tọa Đại hội thông báo kết quả tại Đại hội ngay sau khi tiến hành biểu quyết, cụ thể:

1. Tổng số phiếu hợp lệ, tỷ lệ phiếu hợp lệ/tổng số phiếu trực tiếp có mặt tại Đại hội có quyền tham gia biểu quyết. Trong đó:

- Số phiếu tán thành, tỷ lệ phiếu tán thành/tổng số phiếu trực tiếp có mặt tại Đại hội có quyền tham gia biểu quyết.

- Số phiếu không tán thành, tỷ lệ phiếu không tán thành/tổng số phiếu trực tiếp có mặt tại Đại hội có quyền tham gia biểu quyết.

- Số phiếu có ý kiến khác..., tỷ lệ phiếu có ý kiến khác/tổng số phiếu trực tiếp có mặt tại Đại hội có quyền tham gia biểu quyết.

2. Tổng số phiếu không hợp lệ, tỷ lệ phiếu không hợp lệ/tổng số phiếu trực tiếp có mặt tại Đại hội có quyền tham gia biểu quyết.

Ngoại trừ các vấn đề được quy định tại khoản 3 điều 21 Điều lệ Công ty, các nội dung của ĐHĐCĐ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 21 Điều lệ Công ty.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu như sau:

đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

- Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi biên bản được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về Chứng khoán.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ Công ty phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông).

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên HĐQT và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá tri như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Chương III:
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý Công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.

3. Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của nhiều công ty khác. Kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2019, thành viên HĐQT của Công ty sẽ không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác.

4. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

2. Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

3. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

4. Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 06 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

6. Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa;

7. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

8. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;

9. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Công ty thực hiện việc công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về Chứng khoán.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu như sau:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lư khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Chương IV:
HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Cuộc họp của HĐQT theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;

3. Cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian nếu cuộc họp được triệu tập lần thứ 2 không đủ số thành viên dự họp theo quy định. Khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người được uỷ quyền chủ trì họp HĐQT tiến hành biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

4. Theo quy định Khoản 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

5. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 5, Điều 41 Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

6. Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT

1. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các vấn đề đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, thành viên HĐQT và người ghi biên bản.

Tất cả các thành viên HĐQT và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 24. Thông báo Biên bản, Nghị quyết, quyết định của HĐQT

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT, nghị quyết, quyết định của HĐQT cho các thành viên và biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

Chương V:
KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty.Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc bầu kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của kiểm soát viên thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 28. Các trường hợp bị miễn nhiễm, bãi miễn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi miễn trong các trường hợp sau:

1. Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

2. Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

3. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

4. Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

6. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

7. Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa;

8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Công ty thực hiện việc công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về Chứng khoán.

Chương VI:
CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Các thành viên HĐQT độc lập/thành viên HĐQT không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, các quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của tiểu ban.

Chương VII:
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành Công ty

1. Tiêu chuẩn của người điều hành Công ty phù hợp Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

3. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 33. Giám đốc

1. Bổ nhiệm: HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

3. Tiêu chuẩn: Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 65 Luật Doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền hoặc cần phải có nghị quyết của HĐQT, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy

chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);

đ) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

e) Đề nghị HĐQT quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 05 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp;

5. Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông: Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định;

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 03 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

8. Uỷ quyền, uỷ nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm đó;

b) Người được uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm.

c) Sự uỷ quyền, uỷ nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn.

Điều 34 Việc bổ nhiệm người điều hành Công ty khác

Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty theo quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành Công ty

Người điều hành Công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

Chương VIII:
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG
GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:

a) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên HĐQT và các thành viên BKS một cách đồng thời;

b) Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi đến Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

c) Khi BKS đề xuất lựa chọn và bổ nhiệm công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty; và

d) Các nội dung khác cần lấy ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT:

a) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

b) Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán viên độc lập, khi cần thiết, tham dự họp chung và họp riêng để trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;

c) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản, nhưng không trễ hơn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc, gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì BKS được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

d) Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

e) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi; và

f) Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 07 (bảy) ngày làm việc và HĐQT sẽ xem xét và phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc

1. Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và tại Khoản 3 Điều 33 Quy chế này.

2. Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT không can thiệp vào hoạt động kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Ban điều hành trừ khi xét thấy cần thiết.

3. HĐQT thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, tạo điều kiện và hỗ trợ để Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. HĐQT có thể tham gia vào các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban Điều hành.

5. HĐQT thực hiện giám sát thường xuyên công tác điều hành của Giám đốc và Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của HĐQT.

6. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

8. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc.

Điều 40. Tiếp cận thông tin

1. Khi cần tiếp cận thông tin của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và phải bảo mật tuyệt đối các thông tin và tài liệu thu thập được trong quá trình giám sát các hoạt động của Công ty. Việc tiết lộ các thông tin và tài liệu này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo các quy định pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu được nêu trên bao gồm:

a) Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

b) Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;

c) Báo cáo của Giám đốc;

d) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh (bao gồm kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro) và các báo cáo tài chính của Công ty (bao gồm cấp Công ty, cấp bộ phận kinh doanh, cấp đơn vị kinh doanh và cấp công ty con);

e) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

f) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc

1. Trong các cuộc họp của BKS, khi cần thiết, BKS có quyền yêu cầu Giám đốc trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

2. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản, không trễ hơn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc, gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo cho HĐQT và ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với HĐQT.

3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo với HĐQT, đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan; và

6. Các nội dung khác cần lấy ý kiến của Giám đốc: Phải được gửi trước ít nhất là 07 (bảy) ngày làm việc và Giám đốc sẽ xem xét và phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc.

Điều 42. Phối hợp giữa Giám đốc và HĐQT, BKS

1. Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

2. Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo cho các cơ quan này theo định kỳ và khi được yêu cầu.

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 (bảy) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

4. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 07 (bảy) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 07 (bảy) ngày.

Chương IX:
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 43. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn như sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;

2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT (bao gồm cả yêu cầu của BKS);

3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

4. Tham dự các cuộc họp;

5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho các thành viên của HĐQT và BKS;

7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 45. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm người trợ lý cho Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp Luật Chứng khoán.

Chương X:

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình;

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong

thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI:
SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế QCNB về QTCT sẽ do HĐQT xem xét và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt.

2. Trong trường hợp những quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản QCNB về QTCT hoặc trong trường hợp có những quy định mới khác với những điều khoản trong QCNB về QTCT này thì những quy định mới đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XII:
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương và 52 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5700101203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG VINACOMIN
TP.CẨM PHẢ T.QUẢNG NINH

Phạm Công Hương